



Câu lạc bộ thơ
TÂN HÌNH THỨC

VẬN ĐỘNG SÁNG TÁC VÀ THẢO LUẬN

Thơ • Chủ trương & chủ bút Khế Iêm • Tháng 3 năm 2025 • Năm thứ 5 • Số 15

Email: baogiay2015@gmail.com

www.thotanhinhthuc.com

www.thotanhinhthucviet.vn

SỐ ĐẶC BIỆT VỀ QUÊ NHÀ



Cuốn sách được giải thưởng Hội Nhà Văn



Tranh Họa sĩ Bùi Chát

LỜI TÒA SOẠN

Nhân dịp cùng đi với các con cháu du lịch về nước nhà, tôi ở lại Sài Gòn liên lạc một số người bạn quen biết trong giới văn học như Trần Trung Hiếu, Phạm Quyên Chi, Hồ Đăng Thanh Ngọc, Lý Đợi, Bùi Quang Viễn, Lê Hưng Tiến, Mai Văn Phấn, Đỗ Minh Tuấn, Mai Anh Tuấn, Nguyễn Đạt, Nguyễn Tiến Văn, Phạm Xuân Nguyên, Nguyễn Ngọc Hạnh, Hạnh Ngô (Ngô Thị Hạnh), Anh Hồng, Chị Ý Nhi, Chị Hoàng Kim Oanh, Chị Nguyễn Thị Kim Thoa, Thân Trọng Minh, Bs Đỗ Hồng Ngọc ... Đặc biệt là PGS TS Trần Hoài Anh, PGS TS Ngô Văn Giá, PGS TS Nguyễn Hữu Sơn, PGS TS Võ Văn Nhơn, nhà văn & nhà thơ Nguyễn Thị Hoàng. Khi trở về Mỹ, tôi nhận được một số cuốn sách như:

- 1/ Trần Hoài Anh: “Đi Tìm Mỹ Cảm Văn Chương”, tiểu luận & phê bình, NXB Hội Nhà Văn, 2020.
- 2/ Đào Quốc Minh: “Phục Sinh”, thơ, NXB Hội Nhà Văn, 2024.
- 3/ Anh Hồng: “Tôi & Đêm, Và ...”, thơ, NXB Hội Nhà Văn, 2023.
- 4/ Lê Hưng Tiến: “Những Con Chữ Tái Sinh”, thơ, NXB Hội Nhà Văn, 2013.
- 5/ Vũ Thành Sơn: “Em Có Hay Trời Buồn – Trời Chuyển Mưa Đó Không?”, tập truyện, NXB Văn hóa Văn Nghệ T/P HCM, 2017.
- 6/ n g . a n h a n h: “Đã Là Một Phiền Toái”, thơ, NXB Đà Nẵng, 2019
- 7/ Nguyễn Đạt: “Trạm Đến & Trở Lại”, thơ họa truyện, NXB Đà Nẵng, 2019.
- 8/ Tạp chí *Nhà Văn & Cuộc Sống*, số 23 / 2024.
- 9/ Chị Hoàng Kim Oanh gửi tặng một số báo: *Quán Văn* số 75, tháng 9 năm 2020 – *Quán Văn* số 102, tháng 3 năm 2024 – *Quán Văn* số 108, tháng 10 năm 2024, thuộc NXB Hội Nhà Văn.

Đặc biệt cuốn *Quán Văn* 102, viết về nhà văn & nhà thơ Nguyễn Thị Hoàng, trong đó có một bài viết của chị Hoàng Kim Oanh, với tựa đề: "Nguyễn Thị Hoàng, thơ, những giới hạn giữa vòng vây định mệnh".

Điều quan trọng là cuốn "Đi Tìm Mỹ Cảm Văn Chương" của PGS TS Trần Hoài Anh. Trong *Lời Thưa*, có một đoạn viết: "Bản thân cái đẹp văn chương đã bao hàm trong đó cái **Thật**, cái **Thiện** và cái **Tốt**, những phẩm tính không thể không có của bất cứ nền văn chương đích thực nào. Vì thế, Đi tìm mỹ cảm văn chương mà chúng tôi nói đến trong tập phê bình – tiểu luận này, chính là đi tìm '**cái Thật, cái Thiện và cái Tốt**' từ những sinh thể văn chương mà chúng tôi khảo sát. Những sinh thể văn chương này có thể là những hiện tượng Thơ, Văn Xuôi, Lý luận phê bình và cũng có thể là chính hành trình sáng tác các nhà thơ, nhà văn, nhà nghiên cứu, nhà lý luận phê bình đã/đang hiện hữu trong đời sống văn học thời kỳ hiện đại."

Cuốn sách viết về những nhà thơ tiền chiến nổi tiếng như: Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Bích Khê, Nguyễn Vũ, Nguyễn Bính, Huy Cận ... Đồng thời, về những nhà văn nữ trước 1975 như: nhà văn Trùng Dương, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nguyễn Thị Hoàng, Túy Hồng, Nhã Ca ...

Trong bài phỏng vấn về dòng văn học trẻ, anh Trần Hoài Anh trả lời: "Đúng là, trong thực trạng mà 'com áo không đùa với văn chương' như thế này, thì những người làm văn học thật sự rất cô đơn và làm nhà phê bình không chỉ có cô đơn mà nhiều khi còn cô độc. Bởi, những bài phê bình của mình viết ra đó là tâm huyết trí não của mình nhiều khi vất đến kiệt sức nhưng sách phê bình văn học cứ 'im lặng ngủ quên' trên các quầy sách vì nó rất kén chọn người đọc."

Khi trở về nước Mỹ, một tuần sau, tôi mới nhận được tin: Cuốn tiểu luận & phê bình "Đi Tìm Mỹ Cảm Văn Chương" của PGS TS Trần Hoài Anh; và tập thơ "Phục Sinh" của nhà thơ Đào Quốc Minh được giải thưởng của Hội Nhà Văn. Giải thưởng đã giúp người đọc biết giá trị của hai tác phẩm.

*

Cô độc luôn luôn là niềm vui, chẳng khác nào, nếu có hạnh phúc phải ném mùi khổ đau. Một số những nhân vật nổi tiếng thế giới, đều phải sống cuộc đời cô độc. Như nhà triết gia Hy Lạp Socrates có một bà vợ dữ dằn, nhờ thế mà ông phải sống cô độc, và trở thành một triết gia.

Louise Glück, nhà thơ Mỹ, sinh năm 1943 tại New York và là giáo sư tiếng Anh tại Đại học Yale, New Haven, Connecticut. Bà đã nhận được một số giải thưởng danh giá, trong đó có Giải thưởng Pulitzer (1993), Giải thưởng Sách quốc gia (2014) và Giải Nobel Văn học năm 2020. Trong đời sống hôn nhân, bà ly dị với người chồng, Charles Hertz Jr., vào năm 1967. Đến năm 1977 bà kết hôn với John Dranow, và ly dị vào năm 1996. Cuộc đời ngẫm lại, nếu không có cô độc và khổ đau thì làm sao có được một thế giới nghệ thuật, và sự nghiệp để đời?

Hạnh phúc làm cho cuộc đời vui sướng, còn khổ đau giúp con người trưởng thành, lớn lên, học hỏi, tạo thành sự nghiệp. Có hạnh phúc phải có khổ đau. Nói tóm lại, "cuộc sống là đất đai, sáng tạo là hạt mầm, và khổ đau là màu mỡ cho nghệ thuật sinh ra." Nghiệm về khổ đau giúp chúng ta nhận thức được vị trí chính mình và mọi thứ chung quanh, không thể tách lìa, dù là bị kịch, cũng cứ coi như không có.

Nhà thơ Nguyễn Bính không khác gì có một cuộc đời bi kịch và bạc mệnh trong thơ ông làm.

"Trong mắt bạn bè thơ, Nguyễn Bính là một người bất hạnh. Cuộc đời nhà thơ là hoà quyền một cách lạ lùng của sự gian truân, cơ cực và mang đậm huyền thoại với bốn vợ, bốn con và cái chết trong gió rét, cô đơn ở tuổi 48". (trích trên kienthuc.net.vn).

Trong số đặc biệt này, báo *Thơ* trích đăng bài viết trong cuốn sách: "Đi Tìm Mỹ Cảm Văn Chương", tiểu luận & phê bình của anh Trần Hoài Anh, về nhà thơ Nguyễn Bính.

“XỔ HẾT ĐÓN TẾT”: BÙI CHÁT VÀ HÀNH TRÌNH ĐƯA NGHỆ THUẬT TRỞ VỀ ĐỜI SỐNG

Ngô Lực

Trong không gian ấm cúng và đậm chất nghệ thuật tại Maii Artspace (72/7 Trần Quốc Toàn, Quận 3, TP.HCM), từ ngày 5/1 đến 7/1/2025, nghệ sĩ Bùi Chát sẽ ra mắt triển lãm solo thứ 11 trong vòng 2 năm rưỡi với tên gọi “Xổ Hết Đón Tết”. Đây không chỉ là một triển lãm, mà còn là một cuộc đối thoại mạnh mẽ về mối quan hệ giữa nghệ thuật, thị trường, và đời sống thường nhật.

Nghệ thuật của những bước chuyển mình

Kể từ triển lãm đầu tiên Improvisation vào tháng 7/2022, Bùi Chát đã không ngừng thử nghiệm và định hình cách nghệ thuật có thể giao tiếp với công chúng. “Xổ Hết Đón Tết” là một bước tiến táo bạo, mang nghệ thuật thoát khỏi những khuôn khổ quen thuộc để hòa mình vào dòng chảy của cuộc sống thường ngày.

Triển lãm trưng bày 23 tác phẩm mới chưa từng công bố cùng khu vực “tri ân khách hàng” được tổ chức như một chợ nghệ thuật thu nhỏ. Nơi đây, công chúng có thể trải nghiệm những hình thức mua bán sáng tạo và vui nhộn như: tranh giảm giá, tranh cân ký, tranh bán theo lô, mua 1 tặng 1, hay thậm chí trả góp không lãi suất.

“Art Ferry” – Chuyển phà nghệ thuật của Bùi Chát

Bùi Chát gọi dự án lần này là một “Art Ferry” – chuyển phà nghệ thuật. Một hình ảnh đầy gợi mở, nơi nghệ thuật không chỉ là thứ để ngắm nhìn, mà còn là hành trình đưa các tác phẩm đến gần hơn với công chúng.

Đối với anh, nghệ thuật không nên quá xa vời hay “điều đà” trong chiếc áo mỹ miều. “Nghệ thuật, cũng như mọi sản phẩm khác, khi đã tham gia vào thị trường thì nó là hàng hóa. Nhưng là một hàng hóa có hồn – linh hồn của người nghệ sĩ và những cảm nhận mà công chúng trao tặng nó.”

“Xổ Hết Đón Tết” – Hải hước, chân thành, và dũng cảm

Điều đặc biệt ở triển lãm này không chỉ là cách nó được tổ chức mà còn nằm ở thông điệp mạnh mẽ mà Bùi Chát muốn gửi gắm. Trong bối cảnh nền kinh tế đầy thách thức, nghệ thuật cũng cần tìm cách để đồng cảm và gần gũi hơn với đời sống của công chúng.

Bùi Chát chia sẻ: “Cái khó nhất là làm sao thể hiện một cách thẳng thắn, không che đậy những suy nghĩ của mình mà không sợ bị khinh miệt hay dè bĩu. Nghệ sĩ trong trường hợp này phải thật thà, dũng cảm, và cũng cần một chút khiêm tốn.”

Nghệ thuật và đời sống – không khoảng cách

Triển lãm lần này có lẽ là dự án rõ ràng và gần gũi nhất mà Bùi Chát từng thực hiện. Không cần qua bất kỳ lớp diễn giải nào từ nhà phê bình hay giới chuyên môn, công chúng có thể trực tiếp cảm nhận và sở hữu nghệ thuật một cách dễ dàng.

Dù bạn là nhà sưu tập dày dặn kinh nghiệm hay một khán giả trẻ lần đầu bước chân vào không gian nghệ thuật, “Xổ Hết Đón Tết” đều có điều gì đó để dành tặng bạn.

Lời mời gọi từ “chợ nghệ thuật”

“Xỏ Hết Đón Tết” không chỉ là cơ hội để chiêm ngưỡng những tác phẩm độc đáo mà còn là dịp để bạn tìm thấy một góc nhìn mới mẻ về nghệ thuật. Đến đây, bạn không chỉ mua tranh, mà còn mua lấy câu chuyện, niềm vui, và cả một chút sự khác biệt cho năm mới.

Hãy để nghệ thuật bước vào đời sống của bạn – nhẹ nhàng, tự nhiên, và đầy cảm hứng. Hãy đến để nhìn, để cảm nhận, và có lẽ, để mang về một chút gì đó thuộc về Bùi Chát.

Hẹn gặp bạn trên chuyến phà nghệ thuật của năm mới!

TÂM TƯ CUỐI NĂM

Khế Iêm

Cuốn "Thơ Mỹ Một Thời Đáng Nhớ" (American Poetry – A Memorable Time) được in lần thứ hai với Nxb Domino Đà Nẵng, do anh Bùi Quang Viễn xuất bản.

Lần xuất bản đầu tiên vào năm 1923, với 500 cuốn, mỗi cuốn 700 trang, chỉ để tặng cho những nhà nghiên cứu Hà Nội, Huế và Sài Gòn. Còn lần xuất bản cuối năm 2024, cũng 500 cuốn, mỗi cuốn 730 trang chỉ để tặng giới sinh viên tại các trường đại học, học tiếng Anh.

Khi dịch thơ từ tiếng Anh qua tiếng Việt hay từ tiếng Việt qua tiếng Anh đều khó. Trước khi qua Mỹ, những người di dân phải ở Philippine 6 tháng để học về đời sống Mỹ. Dạy học là Giáo sư người Philippine. Lúc đó, tôi làm thông dịch, và viết những tiểu luận ngắn bằng tiếng Anh, đăng trên tờ báo Philippine. Khi qua Mỹ, tôi lại thấy, nói tiếng Anh của người Philippine không giống với người Mỹ, và tôi đi học 2 năm tại trường colleges Santa Ana, trong đó có lớp học 101, dạy về tiếng Anh. Lớp 101, chỉ để cho các sinh viên người Mỹ học xong mới được lên đại học, học 2 năm tiếp theo. Lúc đó chỉ có tôi là người Việt. Lớp học lúc đầu có khoảng 31 sinh viên, nhưng cô giáo dạy rất khó, nên nhiều sinh viên bỏ đi, chỉ còn lại 13 sinh viên. Kết quả, 1 người đạt trình độ A, 8 người B, còn bao nhiêu là C, D. Tôi được B. Khi tốt nghiệp, tôi mới hiểu, tiếng Anh không phải ngôn ngữ của mình, mà tiếng Việt mới là ngôn ngữ chính. Sau đó, tôi không còn viết tiếng Anh nữa, mà chỉ để đọc.

Khi làm *Tạp chí Thơ*, với 27 số, trong 10 năm, và chấm dứt vào mùa Thu 2004. Những số đầu tôi bắt đầu làm một loại thơ "Cấu Trúc". Đây là loại thơ tự do mới, khác với thơ tự do trước 1975. Đến *Tạp chí Thơ* số 18, tôi chuyển sang thơ “Tân hình thức”, và viết về dòng thơ này. Lúc *Tạp chí Thơ* sắp chấm dứt, tình cờ tôi tham dự với chủ đề "Thơ, cửa sổ qua lịch sử và biến đổi ở vùng Đông nam Á" (Poetry as a Window on History and Change in Southeast Asia) là chủ đề chính trong cuộc hội thảo tại hội nghị hàng năm lần thứ 56 của Hiệp hội Nghiên cứu Á châu (Association For Asian Studies), hợp tác cùng Hội đồng Giáo chức Giảng dạy và Nghiên cứu Ngôn ngữ Vùng Đông Nam Á (Council of Teachers of Southern Asian Languages), tổ chức tại San Diego, ngày 4 tháng 3 năm 2004.

Đây là bài viết tham dự hội nghị hàng năm lần thứ 56 của Hiệp hội Nghiên cứu Á châu (Association For Asian Studies), qui tụ giới học giả và nghiên cứu từ các nơi trên thế giới và toàn quốc Hoa kỳ. Website của Hiệp hội Nghiên cứu Á châu (AAS): www.aasianst.org

Trong hội nghị này, hợp tác cùng Hội đồng Giáo chức Giảng dạy và Nghiên cứu Ngôn ngữ Vùng Đông Nam Á (Council of Teachers of Southern Asian Languages), thơ chỉ là một trong 219 cuộc hội thảo, bao gồm khoảng 800 diễn giả về đủ mọi vấn đề từ lịch sử, văn hóa, chính trị, xã hội, ngôn ngữ, văn học ... của các nước Á châu từ Trung hoa, Nhật bản, Đại hàn, Ấn độ cho tới Mã lai, Indonesia ... Chủ đề của cuộc hội thảo (panel) thơ: “Poetry as a Window on History and Change in Southeast Asia” (Thơ, cửa sổ qua lịch sử và biến đổi tại Đông Nam Á), với ba nước Thái Lan, Phi Luật Tân và Việt nam. Bốn diễn giả gồm:

1/ Ruth Mabanglo, University of Hawaii, Manoa: “Filipinas in the Margin: Metaphorizing Women in Diaspora.

2/ Chiranan Pitprecha, Cornell of University: “Recording Motion and Emotion: Poetry as History”

3/ Khe Iem: “Contemporary Vietnamese Poetry: On the Path of Transformation”

4/ John C. Schafer, Humboldt State University: “Trinh Cong Son: A Songwriter and a Poet”

Chủ tọa: Carol J. Compton, University of Wisconsin, Madison. Thảo Luận: Thomas John Hudak, Arizona State University.

Riêng tôi, viết bài: “Thơ Việt Trên Đường Biến Đổi” (Contemporary Vietnamese Poetry: On the Path of Transformation). Đỗ Vinh dịch qua tiếng Anh, có điều đáng nói: Đỗ Vinh tới Mỹ mới có 7 tuổi, vì thế tiếng Anh là ngôn ngữ chính, và tiếng Việt chỉ là ngôn ngữ phụ. Ông sinh năm 1968 ở Trung phần Việt Nam. Ông cùng với gia đình đến Mỹ vào năm 1975, và theo học ở đại học Washington, nơi ông tốt nghiệp bằng cử nhân Khoa học Chính trị. Ông làm thơ và viết bài trên The New Asian Journal, The Seattle Weekly, The Vietnam Forum of the Yale University, và *Tạp chí Thơ*. “Thơ Việt Trên Đường Biến Đổi” khi được dịch ra tiếng Anh, tôi gửi cho Dr. Carol J. Compton, một nhà nghiên cứu, nhà biên tập (editor) và giáo sư trường đại học Mỹ, chỉnh lại cho đúng. Sau khi biên tập xong, bài viết mới được các nhà nghiên cứu và văn học người Mỹ đánh giá đúng là ngôn ngữ tiếng Anh.

*

Khi làm báo song ngữ *Poetry Journal In Print*, tôi liên lạc được với rất nhiều nhà thơ nổi tiếng Mỹ và thế giới. Có những nhà thơ ở nước Anh; nước Ý (Italy); Cộng hòa Hồi giáo Pakistan; Canada; Nhật bản; Thái Lan; Cuba; Vương quốc Bỉ. Khi cuốn “Thơ Mỹ Một Thời Đáng Nhớ” (American Poetry – A Memorable Time) xuất bản, và gửi qua email cho họ, có một số nhà thơ nổi tiếng Mỹ và thế giới như Dana Gioia, Mani Rao, Grace Taylor, Stanley Barkan, Lidia Chiarelli, Germain Droogenbroodt ngợi khen (bao gồm 3 trang giấy đăng trong báo *Thơ* số 9). Nhà thơ Germain Droogenbroodt, thuộc Vương quốc Bỉ, đã chúc mừng và cho rằng, cuốn sách “Thơ Mỹ Một Thời Đáng Nhớ” thật tuyệt vời. Và những tập thơ của ông đã được xuất bản qua nhiều ngôn ngữ (chưa tính tiếng Việt). Ông cũng là một dịch giả khoảng 38 ngôn ngữ trên thế giới. Không phải chỉ một mình ông, mà còn rất nhiều nhà thơ nổi tiếng khác nữa, cũng được dịch ra nhiều thứ tiếng.

Riêng hai nhà thơ & nhà nghiên cứu nổi tiếng thế giới mới gửi email cho tôi

Germain Droogenbroodt

Khế Iêm thân mến,

Cảm ơn bạn vì những bài thơ của bạn và đã nhắc đến tên tôi.

Tôi đã nhiều lần đến thăm miền Đông, không chỉ Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc mà còn cả Thái Lan, Lào, Campuchia, Ấn Độ, Indonesia. Một người bạn Trung Quốc nói với tôi rằng có một lễ hội thơ. Bạn có liên hệ với nó không? Hàng năm tôi được mời tham dự một số lễ hội thơ quan trọng. Tôi đã 80 tuổi, thời gian sắp hết rồi ... Như bạn có thể đọc trong phần đính kèm, tôi đã thành lập Thơ không biên giới, một dự án được cả thế giới đánh giá cao, 2 lần mỗi tháng một bài thơ NGẮN, hay từ khắp nơi trên thế giới. Được dịch và quảng bá bằng 44 ngôn ngữ ... Bạn không muốn gia nhập gia đình dịch giả quốc tế và dịch những bài thơ sang tiếng Việt sao? Tiếng Thái cũng thiếu. Bạn có địa chỉ liên lạc ở đó không. Tôi đã từng...đọc bài ở trường đại học ở Bangkok. “Tình Yêu Ngự Trị” là bài thơ thứ 799 đã được xuất bản. Bạn có thể xem “Thơ Không Biên Giới”, loại Thơ xuất sắc từ khắp nơi trên thế giới bằng hơn 40 ngôn ngữ bằng tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Hà Lan, tiếng Albanian, tiếng Ả Rập, tiếng Armenian, tiếng Bangarian, tiếng Bosnian, tiếng Bulgarian, tiếng Catalan, tiếng Trung, tiếng Croatian, tiếng Farsi, tiếng Philippine, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Hy Lạp, tiếng Galician, tiếng Do Thái, tiếng Hindi, tiếng Icelandic tiếng Indonesia, tiếng Irish (Ireland), tiếng Ý, tiếng Nhật, tiếng Kiswahili, tiếng Hàn, tiếng Kurdish, tiếng Macedonian, tiếng Mã Lai, tiếng Nepalese, tiếng Polish, tiếng Ba Lan, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Rumanian, tiếng Nga, tiếng Sardinian, tiếng Serbian, tiếng Sicilian, tiếng Thụy Điển, Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tiếng Urdu, tiếng Uzbek, Maithili (Ấn Độ và Nepal) và tiếng Tamil. <http://www.point-editions.com>.

(Một bài thơ của Gernain Droogenbroodt được dịch qua tiếng Việt đăng trên “*Thơ Mỹ Một Thời Đáng Nhớ*”). Bây giờ, ông ấy hứa sẽ in 3 bài thơ của Khe Iem qua tiếng Tây Ban Nha. Trước đó, Khe Iem có 3 bài thơ dịch qua tiếng Hàn, 1 bài dịch ra tiếng Ý, đã đăng trên “*Con Đường Thơ Toàn Tập*.”

Trân trọng

Lidia Chiarelli

Khế Iêm thân mến,

Cảm ơn nhiều về bản PDF của tuyển tập “*American Poetry – A Memorable Time*” (*Thơ Mỹ Một Thời Đáng Nhớ*). Thật là một niềm vui thực sự khi đọc những bài thơ của những người bạn thân nhất của tôi, đặc biệt:

Stanley H. Barkan: *As Yet Unborn* / Đến Bây Giờ Chưa Sinh, tr. 587 | **July** / Tháng Bảy, tr. 589 | *As Still As Broom* / Lặng Lẽ Như Cái Chổi, tr. 591 | *Immortality* / Bất Tử, tr. 593 | **June** / Tháng Sáu, tr. 595 | *First Birth* / Sinh Ra Đầu Tiên, tr. 597 | **Zero**, tr. 599 |

Và tất nhiên tôi rất vinh dự khi có 2 bài thơ của tôi cũng được đưa vào.

Lidia Chiarelli: *Light On The Walls Of Life / Ánh Sáng Trên Những Tường Đồi*, tr. 625 | *Times Square / Quảng Trường Thời đại*, tr. 629 |

Tôi đã đăng “*American Poetry – A Memorable Time / Thơ Mỹ Một Thời Đáng Nhớ*” tuyệt vời này với bản PDF, trên blog IMAGINE & POESIA của tôi để mọi người có thể tải xuống để đọc.

<https://imagespoetry.wordpress.com/2025/02/10/american-poetry-a-memorable-time-translator-khe-iem/>

Bạn đã làm công việc dịch thơ thật tuyệt vời.

Lidia Chiarelli (Torino, Italy) là nghệ sĩ và nhà thơ, đồng sáng lập với Aeronwy Thomas, phong trào văn học nghệ thuật “IMAGINE & POESIA” (2007). Thơ của bà đoạt giải từ năm 2011.

Kết luận

Cuốn “*Thơ Mỹ Một Thời Đáng Nhớ*” mới in với khoảng 730 trang, gửi cho nhân vật nổi tiếng Lidia Chiarelli, sau đó, được đăng trên blog IMAGINE & POESIA.

Ngoài ra, Cuốn “*Thơ Mỹ Một Thời Đáng Nhớ*”, (700 trang trước đó), và hai bản tiếng Anh: cuốn “*Blank Verse by thơ không vần, edited by Khế Iêm*” và “*American Essay by Khế Iêm*”, (Nguyên bản: *Stepping Out – Essay On Vietnamese Poetry – Bước Ra Tiểu Luận Thơ Việt*, Nxb Tân hình thức Publishing, 2012) cũng đã được đăng trên blog IMAGINE & POESIA từ nhiều năm trước, trên: <https://imagespoetry.wordpress.com/page/3/>.

Còn có thêm 2 bài thơ Tân hình thức: *Talk (Nói)*, dài 3 trang đăng trên: <https://imagespoetry.wordpress.com/page/7/>. Và *The Black cat (Con Mèo Đen)* đăng trên: <https://imagespoetry.wordpress.com/page/8/> (trang 8). Cả 2 đều có trên cuốn: “*Con Đường Thơ Toàn Tập*”

Không những thế, trên trang blog IMAGINE & POESIA còn đăng thơ của rất nhiều tác giả trên khắp thế giới như Mỹ, Trung quốc, Bỉ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Ả rập, Uzbekistan, Phần Lan, Vương quốc Sicilia, Cộng hòa Uzbekistan ... Và Việt Nam, như đã nói, chỉ có thơ dịch toàn thế giới và nước Mỹ, và 2 tập tiểu luận & 2 bài thơ Tân hình thức như đã nói.

Trở lại với thơ Tân hình thức. Khi không còn làm *Tạp chí Thơ* nữa, tôi có nhiều thời gian để đọc sách tiếng Anh và viết tiểu luận “*Vũ Điệu Không Vần*”, 600 trang. Tập tiểu luận thơ “*Vũ Điệu Không Vần*” sau khi viết xong, tôi chuyển qua PDF gửi cho nhà thơ Nguyễn Đăng Thường, và nhà thơ Nguyễn Đăng Thường đã bỏ tiền ra cho Domino Đà Nẵng xuất bản. Nhà thơ, dịch giả Nguyễn Đăng Thường dạy tiếng Pháp tại trường trung học Chu Văn An, sau 1974 ông qua Pháp. Sau đó ông qua sống tại nước Anh.

Cuộc đời là những giấc mơ, khởi ra từ thời tuổi trẻ.

THƠ VIỆT

Đào Quốc Minh
CÁNH ĐỒNG CỔ HƯƠNG

ôi cánh đồng cổ hương tôi
chiều ba mươi sụt sùi tiếng nước
con quốc đau lòng trên mảnh ván đồ trôi
ván đồ trôi ôi hỡi ván đồ trôi
như con mắt em tôi ngập một trời rầu rĩ
lạc bên bờ lạc dòng thế kỷ
bóng tháp xưa như bong bóng hải hà
em chẳng về đắp mộ cho hoa

ôi cánh đồng cổ hương tôi
chiều ba mươi chuông chùa làng lạnh lắm
nằm hắt hiu tổ mối rỗng trên gò
tiếng đã tắt những kinh cầu xa vắng
bởi trong lòng mang đứa bé bơ vơ
lau rậm rì lạc mất giấc mơ xưa

ôi cánh đồng cổ hương tôi
chiều ba mươi linh hồn con chó nhỏ
bỏ tôi đi xa tít tận chân trời
tôi ngồi khóc trên nóc nhà không cánh
đang trôi lên từ nhân gian bất hạnh
những – năm – mộ – mặt – trời
tiếng sữa nào vọng lại phía xa xôi

Trích: Thơ "*Phục Sinh*", Nxb Hội Nhà Văn, 2024.

Anh Hồng
ĐỘC THOẠI

Còn rất nhiều điều đang dang dở
chẳng lẽ lại buông tay?
khi gạch đá ném vào ta tôi bởi đau đớn
khi những mặt nạ xung quanh rơi
từng gương mặt méo mó, dị dạng hiện ra
không phải mặt người ...

Còn rất nhiều điều đang dang dở
chẳng lẽ lại ngủ quên trong màn đêm êm dịu?
mơ một giấc mơ được bay qua ngọn núi cao
nhất chạm đến bầu trời ...
được khóc cười riêng ta ...

Chẳng lẽ lại buông tay?
khi bóng tối ập về xóa nhòa vệt sáng
sót lại bên chân trời vời vợi
tiếng vạc kêu thống thiết ...
bám riết ta như xé nát lòng ...
chẳng lẽ ... và chẳng lẽ?

Trích thơ "*tôi & đêm và*", Nxb Hội Nhà Văn, 2013. (*Thân quý tặng nhà thơ Khế Iêm*)

Nguyễn Đạt
KHÚC HÁT ĐƠN DƯƠNG

Tặng Lê Cung Bắc

Nằm ngủ ở vùng trời giá băng
Nằm ngủ trong rừng thông rừng thông
Những kẻ cô đơn cất tiếng hát

Đêm tối đêm tối cây rơi hàng
Đốm lửa điều thuốc soi trên mặt
Nằm ngủ dung không giọt lệ tràn

Nằm ngủ co tay ôm lắt mình
Đêm tối như tình yêu của Diệp
Đêm tối nhựa se dòng cọng buốt

Nằm ngủ mơ theo từng gốc thông
Tôi dấu cô đơn như rừng cây
Những kẻ cô đơn vịnh điệu nhất

Tôi tới Đơn Dương buổi chiều nay
Tôi tới Đơn Dương phố muộn màng
Một chuyến xe chiều không ai biết

Có dáng người nào rất âm thầm
Có dung nhan ai như Ngọc Diệp
Buổi chiều chết trong nỗi nhớ nhung

Một phần của y ở Đơn Dương
Nước chảy nước chảy hoài vách đá
Ai khóc chiều nay trên núi khô

Tôi sống ở đời không luận cứ
Tôi sống ở đời như bỗng đứng
Của núi đá của hoa dại của cỏ hoang

Của y lạ mặt anh em
Của một phần hai mươi một xuân xanh
Đêm tối choàng thêm áo dạ cũ

Đêm tối hơi ẩm lẫn vào trong
Vào núi đá vào hoa dại vào cỏ hoang
Vào hồi ức

Trích "*Trạm Đến & Ở Lại*", Thơ Hòa Truyến,
Nxb Đà Nẵng, 2019. (*Quí tặng Khế Iêm*)

n g . a n h a n h

ĐÃ LÀ MỘT PHIÊN TOÁI SỐ 18

Khi anh nói yêu em
Loài quỷ dữ ẩn mình hiện hữu
Không chờ triệu hồi
Tái sinh

Khi anh bảo không thể ngừng yêu em
Cây hương thảo lừa đời
Hơi thở lên đồng ép lồng ngực
Giọt nước mắt vỡ thanh âm

Kẻ thất bại mang hành trang quá nửa đời
người. Em
Chối từ đoạn kết viên mãn
Chúng mình hai cá thể nhân từ
Đội hoàn lương

Khi anh nói yêu em
Loài quỷ dữ ẩn mình

Đừng đùa bỡn
Lần thứ hai

Trích thơ "*Đã Là Một Phiên Toái*", Nxb Đà
Nẵng, 2019

Mão Xuyên
KỂ KHỞI NGUỒN

Chính anh, kẻ khởi nguồn mọi thứ
Kẻ đã yêu một người bằng tất cả
Vào một khoảnh khắc, và ruồng bỏ
Họ khi anh không còn thuộc khoảnh
Khắc ấy, kẻ đã tạo ra cái bóng của
Mình, kẻ đã tự moi xương sườn
Chính mình, kẻ đã nói với cái
Bóng, tất cả đều là anh
Anh là bóng tối, là ánh
Sáng và anh là cái không thể nói
Lẫn cái hiển nhiên được bật
Lên thành tiếng, nhưng những cái
Bóng giờ đã quên mất chính mình
Vẫn thường rỉ tai nhau từng
Tiếng rên của anh khi cầm
dao tự xẻo da thịt

Đỗ Minh Tuấn
DUNG DANG DUNG DỀ

1
Dung dăng dung dề
Dắt dề đi chơi
Ngón cái trên ngón
Chăng dây bằng người
Gió thổi không đứt
Tay tôi, tay ai
Mưa rào không ướt
Ngón tay tròn rồi
Trốn vào tay bạn
Đắp chặn năm ngón

Dung dăng dung dề
Dắt dề đi chơi

Gió thổi theo bầy
Chim bay theo thóc
Kiến đi hàng dọc
Ta đi hàng ngang
Ngõng đi theo đàn
Ta đi theo lúa
Chỉ bước đến sân
Không đi qua cửa
Chỉ đi đường to
Không đi lối nhỏ
Đường xa chẳng sợ
Chỉ sợ cầu thôi
Nhịp cầu bé tẹo
Xé mình lẻ loi
Cái dăng cái dẻ
Hai đứa hai nơi

II

Dung dăng dung dẻ
Nắm tay nhau rồi
Không được đánh trống
Vui vẫn là vui
Không được cúi xuống
Hái bông hoa tươi
Mặc kệ khuy áo
Gió phang ngang trời
Mặc con chó nhỏ
Lướt thướt mưa rơi
Chỉ cầm tay bạn
Nắm chặt là vui

Dung dăng dung dẻ
Đi ngược đi xuôi
Đường đã hẹp rồi
Thì ta quay lại
Đừng hỏi đi đâu
Đi hoài đi mãi
Bàn chân mệt nhòai
Ngón tay khắc khoải
Ta vẫn giăng ngang
Tay chấp tay nổi
Yêu nhau ta trôi
Chưa chán chưa buông

Dung dăng dung dẻ
Dung dăng dung dẻ

Trích “*Con Chim Giấy*”, Nxb Phụ Nữ 1993.
(*Bản thân tặng anh Khế Iêm, Hà Nội 9/98*).

Thảo Phương
TIẾNG VỌNG

Tặng A

Rừng
Và núi
Và bầu trời
Đầy âu lo

Trái tim ta chột rời thành phố
...
Ta lặn về dòng suối hoang sơ
Đắm mình giữa bầy hà mã hóa đá

Những thiếu nữ mon môn ngó sen
Tung lên trời từng chuỗi cười như ngọc

Đây là nước hay Thời gian róc rách?
Vỗ về con hà mã lạc bầy
Đâu là nắng – đâu là hổ phách ...
Còn nẩy mầm những phấn hoa xưa?
Và những lá cây hóa thạch –
Những thôn điệp trên lưng bầy hà mã ngã
vật nơi đây
Sau tiếng ngập dài khoái cảm ...

Không còn căn hộ hình hộp với ô cửa rộng
Đã vạn năm
Ta – con hà mã thức giữa bầy

Những tiếng vọng xa xăm và đói khát
Tựa tình yêu ...
Gọi ta.

Trích thơ song ngữ “*Khúc Ca Thời Gian*”,
Nxb Văn Học 1999

Mai Văn Phan

BÂY GIỜ MƯA PHÙN

Khi mưa phùn đã làm lại từ đầu
Anh còn trong mơ hét vang trong bóng tóc
Em bảo khi ấy em đã tỉnh
Bối không gian ẩm ướt đang về.

Cứ thương anh sao mơ nhiều, mơ lâu quá
Bối lúc đó anh vẫn muốn hết mình
Thế còn ai cầm tay em,
Nghe tiếng thở của em bên kia mộng寐 ...

Anh bỗng sợ rồi mưa phùn nghe thấy
Biết chúng mình đã trẻ trung hơn xưa
Những ý nghĩ lung tung chạy cùng sóng lá
Mùa này nụ mầm thường lên rất nhanh.

Trích thơ “*Nghi Lễ Nhận Tên*”, Nxb Hải Phòng, 1999. (*Quý tặng Tạp chí Thơ*)

Phan Như

NÓN

Em đan những ngón tay màu xanh
gọi mùa thu về bên dốc núi
khi ta lặn tháng ngày gió bụi
gặp em bỗng nhớ quê nhà

Em đan những vần thơ tím ngắt
gọi nắng xuân về bên phố xưa
khi ta nửa đời hương khói nhạt
gặp người lại nhớ rừng xưa

Tôi không mua cây lá trên ngàn
tôi đâu bán bài thơ phố tím
tôi chỉ là chàng xe thô chở nón
đem rừng thăm lại phố xưa

Tôi xin đan một vòng tay ngà xanh
để em che nụ cười xa vắng
đời đi qua một ngày gió động
quai tính tôi buộc nắng mưa

Trích thơ “*Sóng Vỡ Mạn Đời*”, Nxb Đà Nẵng, 1999.

Lê Hưng Tiến

NHỮNG CON CHỮ TÁI SINH

Thời gian dần nở
Tôi đốt mình cháy xuyên màn đêm
Những con chữ dật dờ sống sót
Những con chữ giành giật sự sống cho nhau
Những con chữ bị thiêu rụi trong cái chết
tức tưởi

Những con chữ í ới bầy đàn oán than
Và những con chữ đôi lúc biết trước số phận
của mình

Tất cả chỉ sự dần nở thời gian

Khi con quay chạy vạy giấc mơ
Những con chữ hiển linh từ 4 giờ đến 5 giờ
sớm muộn

Mặt trời không dám đỏ màu hồng lên
đường đi của cỏ

Tôi cũng không biết lối về của đôi mắt nhớ
Thần quái bỏ hoang ngoài hành lang
ngữ nghĩa

Tất cả chỉ sự dần nở thời gian

Khi thời gian lại tiếp tục dần nở
Sự phóng sinh là tội đồ của cánh hẫu
trí tưởng

Cơ thể tôi cũng bị những con chữ ám muội
Nhập nhao trong mớ sản phẩm không
thời gian

Mỗi khi ban mai lên đồng
Tôi cày xới được vụ mùa thơ thờ
Những con chữ bắt đầu tái sinh
Đòi mặt trời mọc hướng đàng chân
Không có lối cỏ đi về của gió
Và tôi bắt đầu bơ vơ giữa thời gian dần nở

Trích thơ “*Những Con Chữ Tái Sinh*”,
Nxb Hội Nhà Văn, 2023. (*Quý tặng nhà thơ
Khế Iêm*)

Nguyễn Sao Mai
MAI KHE SANH

*Viết cho Huỳnh Bá Đức, quân nhân của
nhóm ly khai chống chính phủ trong biến
động miền Trung năm 1966, bị sát hại
năm 1971, và Mai KheSanh của Đức
thời cổ tích một chín năm bảy.*

Mỗi bước chân em có mùa xuân cổ tích,
Môi hồng em có mùa nắng Khe Sanh,
Từng sợi tóc em mưa rơi làng Thượng,
Sao trong ta ngày lên thác xuống ghềnh.

Rừng Lao Bảo người đi không trở lại,
Đường sây lau tang trắng tuổi xanh đầu,
Ôi thể thiết những con đường tan hợp,
Những linh hồn người năm cũ nay đâu?

Vẫn còn đó đất trời xuân dưới vực,
Vẫn còn đây mưa gió hạ trên ngàn,
Sao thấy ta trong cánh đồng trí nhớ,
Rách tang thương trong thành phố điêu tàn.

Dòng sông trắng không tìm về biển lớn,
Rừng núi xa không nổi lại tình gần,
Ta làm kẻ ăn xin từng kỷ niệm,
Trên con đường còn đó dấu chân ngoan.

Con đường ngắn đã dài như dĩ vãng,
Mây phù du không hẹn tuổi rừng thiêng,
Còng tay nhỏ mệnh mông trời thệ ước,
Vẫn trời chung không chứa nổi sầu riêng.

Mai Khe Sanh của rừng thiêng núi cấm,
Đã hôm nay cơn mộng mị giữa ngày,
Ta đứng gọi mùa xuân trong đáy vực
Để yêu em như từ thuở uyên bay.

Ta đứng gọi mùa xuân trong đáy mộ
Để yêu em ngày cổ tích hoang đường.
Vân Kiều gái núi qua đường 9
Đã bóng chim tăm cá, đã không còn.

Chiều mây xám rừng rừng sầu quan ải,
Và sông mê núi nhớ buổi lên đường,

Ta thương em nên học làm lính trận,
Treo tình em đầu ngọn súng ngang tàng.

Đời đã khác ta về trong áo sử,
Rừng đã già không nhớ nổi mùa xuân.
Ta đã khóc, ta lên đồi ngồi khóc,
Giọt nước mắt rơi làm chảy đá tan vàng.

Mỗi bước chân em có mùa xuân cổ tích,
Môi hồng em có mùa nắng Khe Sanh.
Từng sợi tóc em mưa rơi làng Thượng,
Sao trong ta lạc dấu bóng chim hồng.

Mỗi bước chân em
có mùa xuân cổ tích,
Môi hồng em
có mùa nắng Khe Sanh,
Sao vẫn thấy ta trong trang sách cũ,
Về đứng ngồi trên ngày tháng tro than.

Saigon, 1971.

Nguyễn Sao Mai
THIÊN SƯ

Lòng đà như núi
Mức ánh trăng non
Thiên sư chết đuối
Trong vũng nước ròng.

Có cô con gái
Như hoa nở hè.
Bàn tay ngón ản,
Mắt hạt bồ đề,
Đi ngang đất Phật
Không thấy không nghe.

Nguyễn Sao Mai
CON CHỮ

Bài thơ no mực
Đợi từng con chữ
Nhưng không nhớ nổi

Chữ nào lom khom
Chữ nào khiễng chân.

Chữ đứng như núi
Chữ đi như sông
Một tờ giấy trắng
Một bài thơ không.

Nguyễn Sao Mai
HOA NI CÔ

Hoa thiên nở đóa ni cô,
Giật mình chuông mõ nam mô trúc bē.
Mắt nâu rớt hột bồ đề,

Ngẩn ngơ đình Phật tóc thề em bay.
Thiên cung dờn xuống cõi này
Để em hiện tượng tiên say giữa đời.
Suối tiên tắm thịt da người,
Câu kinh bỏ lại đất trời mai sau.
Búp em hồng nụ nhiệm màu,
Tay nắm ngón ản hạc châu dưới hoa.
Khép chân sen nở kiết già
Trên sen em nở một toà mê cung.
Trang thơ này để cúng dường
Ngọc thân bồ tát má hường trích tiên.
Vung tay lật đổ giường thiền
Áo xiêm bỏ lại qua triền cửa không.

2010

THƠ TÂN HÌNH THỨC

—
Hồ Đặng Thanh Ngọc
GÁC CHÂN

mùa hạ gác chân lên mùa
xuân mưa nắng gác chân nhau
những linh hồn ôm đau gác
chân mệt mỏi hoa vãn gác

chân lên lá nổi nhớ này
gác chân lên nổi nhớ kia
lời nói dối gác chân lên
lời nói thật cái mắt dạy

gác chân lên tử tế cái
ác gác chân lên cái thiện
niềm ghét gác chân lên niềm
yêu tôi rộng không gác chân

lên ngày tháng gác chân lên
đêm gác chân lên mặt trời
gác chân lên ... giọt cà phê
rơi trong cái gác chân quán

cà phê

Phạm Quyên Chi
RỒNG 1

Buổi sáng trong ngày lễ
Tình nhân tôi đã lấy
Cây gậy đập chết một
Con mèo mù trái
Tìm tôi lúc ấy bị che
Khuất bởi bóng mây
Trên bầu trời cao hơn

Tôi cắt tóc bỏ chung
Trong chiếc hòm đựng con
Mèo mù rồi ra đứng
Giữa đường xe cộ người
Đi qua đi lại nhòm
Ngó tôi như một con
Ó bị cháy đen lâu
Năm trên rừng mới xuống
Mà buồn nhất lúc đó
Người tôi yêu bỏ đi
Lấy vợ chớ người mình
Cố yêu đi xuyên qua

Cuộc đời với nụ cười
Chua chát mà làm sao

Tôi nói nữa khi giữa
Đại lộ trông tôi như
Cô gái chưa dám qua
Đường dù bước một bước
Nửa là nhìn thấy góc
Sân nhà!

Huy Hùng
LÊN TIẾNG

Tặng nhà thơ Khế Iêm

Những phút giây rảnh rồi ông ra
vườn cây & hoa thư giãn tưới
cây, tia lá tia cành và lắng

nghe tiếng chim hót, ông nhớ đến
những cậu học trò của ông, những
cậu học trò ngoan, cá tính thông

minh chăm chỉ các cậu ấy đã
như những chú chim Sơn Ca trưởng
thành cất cánh bay – bay vút cao –

vút cao trên bầu trời tự do
tự do ca vang ca vang những
bài ca du dương du dương say

sưa tuyệt vời sẽ vang xa vang
xa tự hào ông nhớ đến những
chú Rồng đáng yêu quý hiếm còn

sống sót trên Trái Đất này những
chú Rồng ở những hòn đảo xa
xôi nơi đại dương nhiều bí ẩn

những chú Rồng cung ngoan thông minh
đáng yêu hay lặn xuống biển ăn
cỏ biển và các chú Rồng ấy

cũng biết hát trong những đêm trăng.

2009

Hường Thanh
CHỜ NGÀY MƯA

mảnh đất khô mùa
hạn hán nước điện
vào nhà chấm chấm
nhỏ chấm chấm nhỏ

mảnh đất khô cỏ
khô con đường người
người cong cái đầu
chờ mưa vào nhà

chỉ chấm chấm nhỏ
em và anh anh
và em chỉ chấm
chấm nhỏ chúng ta

cong cái đầu chờ
mưa về mảnh đất
cỏ xanh rồi mọc
dù chấm chấm nhỏ.

Nguyễn Thói Đời
CHÚNG MÌNH ƠI CHÚNG MÌNH

Chúng mình ơi chúng mình
chúng mình ở đâu ra
mà lắm thế chúng mình
từ hang hốc chui ra

chúng mình sinh sôi cho
lắm bây giờ chúng mình
đã quá đông nên chúng
mình không thể chui lại

vào hang hốc cũ để
chung sống mà chúng mình
phải xí riêng từng hang
hốc cho mỗi chúng mình

những hang hốc bằng gạch
ống xi măng những hang

hốc bằng bê tông cốt
thép phân chia ranh giới

cho những hình hài phân
chia ranh giới cho những
tâm hồn những hang hốc
đã làm tròn nghĩa vụ

hiện đại của nó: ngăn
cách chúng mình mãi mãi (!)
nên chúng mình càng đông
chúng mình càng thấy lẻ loi (!?)

02/10/2013

Nguyễn Thanh Sơn

BẢN TANGO CHO CUỘC TÌNH

Bánh mắt ra giai điệu
Mùa hè tràn ngập lối
Xưa nắng chói lòa tâm
Hồn nhạt nhòa mưa. Ôi

Lạ chưa. Giai điệu mùa
Hè lại nhớ mưa xưa
Nhiệt độ 36°C mùa hè
Cay xè đôi mắt mưa

Nắng nhảy múa trong lùm
Cây đầu ngày gây cho
Ta nỗi đau dịu dàng ước
Mơ mưa. Nhớ mùa hè

Đã xa. Xa như nỗi
Buồn chưa bao giờ cũ
Mối tình xa xưa mưa
Mùa hè bên hiên nhà

Em nhớ nụ cười đôi
Hàm răng trắng tròn như
Hạt mưa. Ta hôn hạt
Mưa như hôn làn môi

Em ngọt ngào như mưa
Mùa hè đã xa đã xa
Bóng hình em luôn in
Sâu trong tâm hồn ta.

Biển Bắc

AI ... DỪA TƯƠI ... HÔN (!?)

Giữa trưa trời nắng
rất với một đời đầy mắt
mát chị ngồi gốc
cây khô bán nước dừa tươi
để kiếm sống nơi
đô thị xô bồ lẫn lộn
khắp góc cùng ngõ
cụt giữa trưa trời nắng rất
với cổ họng khô
khát tôi mua trái dừa uống
mát những giọt mồ
hôi nhỏ từ vầng trán nhọc
nhằn của chị như
vừa uống suối ngọt ngào êm
dịu chảy ra từ
chai cứng cuộc đời sau những
nhát dao nhuyễn nhừ
chém thấu vào thịt dừa mềm
mỏng kiếm sống giữa
trưa đời cháy rất sôi bỏng

(đầu 7, không 8)

ĐỜI VÀ THƠ NGUYỄN BÌNH TRONG DI SẢN VĂN HỌC MIỀN NAM TRƯỚC 1975

PGS TS Trần Hoài Anh

Nguyễn Bình là một thi tài thi ca xuất hiện không nhiều trong nền văn học dân tộc. Ông lặng lẽ sống, lặng lẽ làm thơ, lặng lẽ sáng tạo theo cách riêng của mình. Nguyễn Bình không bị cuốn vào sự ồn ào của những trào lưu văn hóa phương Tây đang là lực hút khá mạnh đối với các thi nhân cùng thời và âm thầm làm một kẻ lội ngược dòng, tắm mình trong dòng sông thi ca mang điệu hồn văn hóa dân tộc với âm hưởng ca dao “quê mùa”, “chân chất” để làm nên những viên ngọc thi ca mà trải qua bao lớp bụi thời gian, với những biến thiên của bao hệ lụy xã hội vẫn không làm mờ đi mà ngược lại càng làm rực sáng hơn.

Mở

Như sự đặt đề của số phận, trong đoạn khúc *Hành phương Nam* đầy bi tráng, Nguyễn Bình đã viết những câu thơ thấm đẫm vị đắng về cuộc nhân sinh mà ông đã trải nghiệm qua những tháng năm phiêu bạt của chính mình. Đời và thơ Nguyễn Bình vì vậy, cũng là đời và thơ của một thiên sứ bị “đày” xuống trần gian làm thi sĩ để “tụng ca” nỗi buồn, niềm cô đơn, sự dang dở, sự khổ đau của thân phận lưu đầy mà đời và thơ Nguyễn Bình là một xác chứng: “*Đôi ta lưu lạc phương Nam này/ Trái mấy mùa qua én nhận bay/ Xuân đến khắp trời hoa rượu nở/ Mà ta với người buồn vậy thay/ Lòng đắng sá gì muôn hớp rượu/ Mà không uống cạn mà không say (...)* Quê nhà xa lắc xa lơ đó/ Ngoảnh lại tha hồ mây trắng bay” (*Hành phương Nam*).

Có thể nói, bài thơ *Hành phương Nam* như dự báo cho cuộc đời đầy giông bão của Nguyễn Bình với những bước lên xuống của kẻ tha hương mà sự dang dở đã ám vào thơ ông, vào đời ông như một định mệnh. Trong xã hội miền Nam trước 1975, thơ Nguyễn Bình với *Lỡ bước sang ngang*, *Tương tư*, *Chân quê*, *Cô hái mơ*, *Xuân tha hương*, *Viếng hồn trinh nữ*, *Ghen*, *Cô lái đò*, *Hà Nội ba mươi sáu phố phường*, *Mưa xuân*, *Sao chẳng về đây*, *Xa cách*, *Người hàng xóm*, *Chờ nhau ...* đã có vị trí đặc biệt trong tâm thức và tâm cảm của bao thế hệ người đọc. Không những thế, Nguyễn Bình và thơ ông còn là một di sản trong văn học miền Nam trước 1975 được giới lý luận, phê bình quan tâm nghiên cứu, được đưa vào giảng dạy trong nhà trường. Thế nên, Nguyễn Bình là một trong những gương mặt tiêu biểu của *Thi ca tiền chiến* xuất hiện nhiều trên

sách, báo ở miền Nam như: *Văn, Văn học, Văn nghệ, Nghiên cứu văn học, Bách khoa, Khởi hành, Thời tập, Văn khoa* ... Tạp chí *Văn*, một tờ báo có uy tín trong nghiên cứu văn học miền Nam trước 1975 đã có nhiều bài viết về Nguyễn Bính như: *Văn* số 58/1966, với bài: "Nguyễn Bính kẻ lưu đầy" của Đinh Hùng; *Văn* số 60/1966 với các bài "Để nhớ Nguyễn Bính những ngày ghé bến Hà Tiên" của Nữ Sĩ Mộng Tuyết; "Vài kỷ niệm về nhà thơ Nguyễn Bính trong thời kỳ kháng chiến ở miền Nam" của Sơn Nam; "Nguyễn Bính chín năm đốt đuốc soi rừng" của Mai Thảo; *Văn* số 189/1971 ngoài phần giới thiệu về tiểu sử Nguyễn Bính còn có các bài viết: "Hà, Bắc, Hải, Đông" của Vũ Hoàng Chương; "Nguyễn Bính, một thi sĩ suốt đời mắc bệnh tương tư" của Vũ Bằng; "Bóng giai nhân và Nguyễn Bính" của Mộng Tuyết; "Nguyễn Bính những mùa xuân tha hương" của Đào Trường Phúc; "Đọc lại *Đám cưới Bướm*" của Phạm Văn Song ...; Tạp chí *Nghiên cứu văn học* số 61 7/9/1971 với bài "Người con gái ở lầu hoa" hay "Tâm - trạng - nguyên - hương - tình - yêu - Nguyễn - Bính" của Bích Tường; báo *Khởi Hành* số 91/1971 với bài: "Nguyễn Bính và hệ lụy cuộc đời" của Viên Linh ... Tạp chí *Văn học* số 100 (1/1/1970), ra số chuyên đề về Nguyễn Bính với chủ đề "Nguyễn Bính, lỡ bước sang ngang" đã có nhiều bài viết về đời và thơ Nguyễn Bính mà bài viết nào cũng thể hiện sự trân quý đối với thi sĩ. Đó là các bài "Có hai Nguyễn Bính" của Vũ Bằng; "Gác trọ còn nguyên gió thất tình - Nguyễn Bính với hai khía cạnh nhà tình thất, nhà thơ bình dân" của Mộng Tuyết; "Hai giai thoại về Nguyễn Bính ghét cay ghét đắng hạng trọc phú hiếu danh" của Tế Xuyên; "Nguyễn Bính - Hội trưởng Hội văn hóa cứu quốc Rạch Giá" của Sơn Nam; "Nguyễn Bính, một thiên tài lỡ dở" của Tạ Ty; "Một giai thoại về Nguyễn Bính"; "Chiếc cầu cây giữa rừng tràm và biển cỏ của chiến khu đã gãy rồi" của Kiên Giang; "Nguyễn Bính trong trí nhớ" của Nguyên Sa; "Nguyễn Bính và những bước lỡ làng gieo neo trong cuộc sống" của Sông Thai ... Ngoài ra, đời và thơ Nguyễn Bính còn xuất hiện ở các sách giáo khoa Việt Văn, sách nghiên cứu - phê bình văn học như: *Lược sử văn nghệ Việt Nam nhà văn Tiền chiến 1930-1945* của Thế Phong (Vàng Sơn xb., SG, 1974); *Việt Nam thi nhân tiền chiến* (Q. Thương) (Sóng Mới Xb., SG, 1968) của Nguyễn Tấn Long; *Mười Khuôn Mặt Văn Nghệ*, (Tác giả tự xb., SG, 1970) của Tạ Ty; *Những hàng châu ngọc trong thi ca hiện đại* (1933-1963), (Sáng xb., SG, 1969) của Huy Trâm; *Hồn thơ nước Việt thế kỷ XX*, (Ban Tu Thư Sơn Quang xb., SG, 1967) của Lam Giang và Vũ Tiến Phúc, *Văn học Từ điển*, (Khai Trí xb., SG, 1974) của Thanh Tùng; *Biệt ly qua thi ca Việt Nam*, (Nam Chi Tùng Thư Xb. SG, 1961) của Nguyễn Hữu Chí ...

Đọc những bài viết về Nguyễn Bính trong di sản văn học ở miền Nam trước 1975, ta thấy đời về Nguyễn Bính được thể hiện ở một số bình diện như sau:

1. Một thiên tài thi ca nhưng mệnh bạc

Có thể khẳng định Nguyễn Bính là một thiên tài thi ca xuất hiện không nhiều trong nền văn học dân tộc. Ông lặng lẽ sống, lặng lẽ làm thơ, lặng lẽ sáng tạo theo cách riêng của mình. Nguyễn Bính không bị cuốn vào sự ồn ào của những trào lưu văn hóa phương Tây đang là lực hút khá mạnh đối với các thi nhân cùng thời mà âm thầm làm một kẻ lội ngược dòng, tắm mình trong dòng sông thi ca mang điệu hồn văn hóa dân tộc với âm hưởng ca dao “quê mùa”, “chân chất” để làm nên những viên ngọc thi ca mà trải qua bao lớp bụi thời gian, với những biến thiên của bao hệ lụy xã hội vẫn không làm mờ đi mà ngược lại càng làm rực sáng hơn. Vì vậy, trong công trình *Văn học từ điển* (Khai trí Xb. SG., 1974) của Thanh Tùng, phần viết về tiểu sử tác giả, Nguyễn Bính hiện lên là “một thi sĩ thời tiền chiến có sắc thái riêng biệt và được đại chúng biết nhiều nhất, vì thơ của ông rất gần với đại chúng, gần với cuộc sống tâm thường của mọi người, nhiều chỗ nhẹ nhàng man mác như ca dao, hoặc tình tự mộc mạc tựa những mối tình nơi thôn

đã”[1]. Song, phải chăng, chính cái quê mùa tưởng chừng như đi ngược dòng chảy của thời đại đã tạo nên một hệ giá trị riêng cho thơ Nguyễn Bính mà theo Tạ Tỵ trong công trình chân dung văn học *Mười khuôn mặt văn nghệ* (Tác giả Xb. SG., 1970), dù cho “Tới nay Bính đã đi sâu vào lòng đất, gia tài để lại cho cuộc đời tuy không vĩ đại nhưng cũng đủ chứng minh giá trị của một thi nhân trong lịch sử văn học nghệ thuật Việt Nam”[2], và “Chất thơ của Bính nó hiện diện như thể cách đây 30 năm, khoảng thời gian không xa xôi gì, mà sao nó làm cho người đọc hôm nay cảm thấy đặng đặng xa vút mù khơi”[3]. Phải chăng, xuất phát từ những chân giá trị này trong thơ Nguyễn Bính mà Tạ Tỵ cho rằng: “Bính là một thiên tài, nhưng là một thiên tài lỡ dở, vì tổng kết từ cuộc sống bản thân tới nghệ thuật, ở bên trong mỗi dữ kiện người ta cảm thấy như định mệnh đã an bài cho Bính sự trừng phạt hơn ân thưởng. Sinh ra trong một hoàn cảnh khôn khó không đủ phương tiện ăn học, lớn lên tình yêu làm thui chột ước mơ, ở lãnh vực thi ca Bính cũng không làm sao thoát ra khỏi khuôn thước tầm thường của nhân thế. Nhưng đó không phải là cái dở mà đó chính là sự may mắn cuối cùng mà Thượng đế dành cho Bính, tuy rằng sự may mắn đó Bính phải trả bằng nước mắt với muôn vạn nhục nhằn. Sự lỡ dở do tình yêu, do cuộc đời, do bạn hữu, do bản thân tạo nên, tất cả như va vào nhau để làm cho tiếng thơ buồn của Bính vút lên rồi tỏa ra những làn ánh sáng kỳ diệu giữa trời thơ nước Việt hôm qua, hôm nay và mãi mãi”[4]. Với những chia sẻ trên, có thể nói Tạ Tỵ là một trong những nhà phê bình đã có những sự đồng cảm sâu sắc với đời và thơ Nguyễn Bính, là người đã khắc họa khá tinh tế về chân dung nhà thơ Nguyễn Bính, chân dung của một thi sĩ mà phận số đời mình là những chuỗi bất hạnh.

Cũng như Tạ Tỵ, Thế Phong trong *Lược sử văn nghệ Việt Nam nhà văn tiền chiến 1930 - 1945* (Nxb. Vàng Son, SG., 1974) bên cạnh việc giới thiệu khái lược về Chế Lan Viên, Nguyễn Nhược Pháp, Vũ Đình Liên, Tế Hanh, Đoàn Văn Cừ, Huyền Kiêu, Lam Sơn, Huy Thông, Hồ Dzếnh, Ngân Giang, với cách nhìn riêng của mình, Thế Phong đã dành cho Nguyễn Bính những đánh giá khá cao khi cho rằng: “Nguyễn Bính có thiên bẩm thi nhân từ thuở nhỏ. Sống ở miền quê, nhà nghèo, ít học, nhưng làm thơ lục bát rất hay, truyền cảm mãnh liệt và phổ biến sâu rộng trong nhân dân thị thành cũng như nông thôn. Có thể nói sau Nguyễn Du, Nguyễn Bính là nhà thơ được mọi người học thuộc thơ ông nhiều nhất”[5]. Và đây cũng là đánh giá của Vũ Bằng khi cảm nhận về sức sống của thơ Nguyễn Bính: “Tôi có thể nói rằng sau Truyện Kiều, sau thơ Tản Đà, có lẽ thơ Nguyễn Bính được nhiều người tìm đọc và ngâm nga nhất”[6].

Những nhận định này là hệ giá trị cần thiết để làm nên sự tồn sinh của một thi sĩ, điều mà không phải nhà thơ nào cũng có được!? Giá trị thơ Nguyễn Bính được tạo nên bởi tài năng thi ca của ông. Nó là cái riêng có của Nguyễn Bính trong hành trình sáng tạo, là sự chọn lựa hiện sinh cho định mệnh thi ca của chính mình chứ không phải thứ ân sủng được ban phát từ một ngoại lực nào. Vì vậy, từ cái nhìn đối sánh với các nhà thơ cùng thời, Thế Phong đã nhận ra cái riêng như một hệ giá trị của đời thơ Nguyễn Bính khi ông cho rằng: “Thơ Nguyễn Bính chẳng giống thơ một ai, chính thi nghiệp của ông cũng như Hàn Mặc Tử là rút ra trong cuộc sống thành khẩn của mình, sống rất sâu và nghệ thuật cao diễn tả, thành công rực rỡ. Không cầu kỳ như Vũ Hoàng Chương, không thuần túy lãng mạn dành riêng cho một giai cấp như Xuân Diệu, không khóc đời suy tư kiểu Huy Cận, không có những hình ảnh thiên nhiên tạo vật buồn nhẹ như Lưu Trọng Lư; nhưng đi vào khía cạnh tâm hồn mọi người; khi mà thi sĩ cũng hòa đồng rung cảm”[7].

Không phải nhà thơ nào trong hành trình sáng tác cũng được các nhà nghiên cứu văn học dành cho những đánh giá cao như vậy!? Cái căn cước giá trị thi ca chỉ có thể có ở nhân vị của những thi sĩ tài năng đích thực. Bởi, người làm thơ thì nhiều nhưng có mấy ai được gọi là thi sĩ, mà lại là thi sĩ có cá tính sáng tạo độc đáo, ám ảnh người đọc như Nguyễn Bính thì lại càng

hiếm. Điều này đã được xác tín qua sự tồn sinh của thơ Nguyễn Bính trong nền thơ ca dân tộc nói chung và trong di sản văn học miền Nam giai đoạn 1954 -1975 nói riêng, từ khi ông còn sống trên cuộc đời cũng như lúc ông đã đi *ra ngoài cõi sống* (chữ của Tạ Tỵ). Nguyễn Bính, vì thế, là một trong những gương mặt Thơ mới đã được Nguyễn Tấn Long luận bàn khá nhiều trong *Việt Nam thi nhân tiền chiến* (Q.thượng) với 110 trang (từ tr.301 đến tr.409), trong tổng số 818 trang của cuốn sách dành cho 19 nhà thơ được chọn gởi thiệu như: Trương Phổ nữ sĩ, Phan Khôi, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Thị Minh Minh, Thế Lữ, Nguyễn Nhược Pháp, Thanh Tịnh, Nguyễn Vỹ, TTKH, Thâm Tâm, Vũ Hoàng Chương, Xuân Diệu, Anh Thơ, Nguyễn Tráng, Phạm Đình Tân ... Điều này cho thấy nhân vị của Nguyễn Bính trong di sản văn học ở miền Nam được chú trọng tôn vinh như thế nào!? Thế nên, cũng như Tạ Tỵ và Thế Phong, để minh chứng cho thi tài và vị thế của Nguyễn Bính trên thi đàn, từ những luận giải khoa học, Nguyễn Tấn Long đã xác quyết: “Thời tiền chiến, Nguyễn Bính được kể là một trong những nhà thơ lớn, chiếm ngôi vị vững chắc trong làng Thơ mới”[8]. Và để xác tín hơn quan điểm của mình, Nguyễn Tấn Long đã hơn một lần lý giải về “địa vị độc tôn” của Nguyễn Bính trong nền thi ca dân tộc là vì “Nguyễn Bính đã tìm cho mình một hướng đi dị biệt, tạo cho mình một địa vị vững chắc, một chỗ đứng có hạng trên thi đàn. Ngôi sao của Nguyễn Bính vừa mọc là sức sáng chói chang cả khung trời nghệ thuật”[9]. Và cũng như Tạ Tỵ và Thế Phong, Nguyễn Tấn Long dù rất quý trọng tài năng của Nguyễn Bính nhưng cũng thấu cảm được bi kịch tất yếu trong bản mệnh thi ca và cuộc đời của Nguyễn Bính khi ông cho rằng: “Thơ của ông rất hay, được đại chúng biết nhiều nhất, nhưng có lẽ tài bất thắng thời nên cuộc đời Nguyễn Bính lận đận lao đao, trôi nổi rày đây mai đó trên kiếp giang hồ”[10]. Và sự lận đận của phận người ấy không chỉ vận vào Nguyễn Bính từ những năm 1932–1945 khi ông còn là một nhà thơ tiền chiến rong ruổi giang hồ trên khắp mọi miền Tổ quốc mà còn hiện hữu ngay trong những ngày ông tham gia kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ qua lời trần tình của nhà thơ Kiên Giang, một người tự nhận Nguyễn Bính là thầy dạy mình làm thơ đã chia sẻ khi nghĩ về đời và thơ Nguyễn Bính: “Thơ của Nguyễn Bính đã đi vào đại chúng nặng lòng yêu nước chống xâm lăng nhưng con người thi sĩ không mấy được trọng dụng? Hơn thế nữa, anh Bính là người phóng túng mang trọn vẹn tâm hồn thi sĩ đi vào cuộc đời nên làm sao tránh khỏi một vài cơn dৌ ngược độn đầu trước kỷ luật tròn ốc. Kẻ chỉ đạo văn nghệ nhưng chẳng biết làm một câu thơ hay chẳng hiểu gì về văn chương nghệ thuật thì nhất định sẽ bị anh Bính chống đối. Người làm văn nghệ tức nhiên đã làm cách mạng và trong vài khía cạnh vượt trội những nhà cách mạng xu thời hay kẻ làm chính trị nửa mùa”[11]. Bởi, trong cảm nhận của Kiên Giang: “Nguyễn Bính sống ở miền Nam lâu năm nên giống người miền Nam ăn ngay nói thẳng. Do đó, anh đã nhiều lần than phiền lẽ lối chỉ đạo văn nghệ đã bóp méo cảm hứng của thi sĩ. Nguyễn Bính tuy cắt được cái đuôi gàn bướng của thi sĩ nhưng thỉnh thoảng vẫn nổi máu giang hồ thè đi và đi mãi. *Đã đành máu chảy về tim/ Nhưng khôn ước nổi cánh chim giang hồ*. Phải chăng anh ngâm thơ ấy để gián tiếp báo trước một chuyến đi”[12]. Và trên những “chuyến đi” của các nẻo đường kháng chiến gian khổ ở miền Tây Nam Bộ, Nguyễn Bính cũng biết “vứt lại” sau lưng những hoài niệm, những nhớ thương của người thi sĩ thời tiền chiến để hết lòng phục vụ kháng chiến mà những sáng tác của ông trong thời kỳ này như: *Tiểu đoàn 307*, *Ông Lão mài gươm* (1947), *Chiếc áo đêm trắng* (kịch thơ -1947) ... đã là minh chứng, nên theo Kiên Giang: “Anh Bính nhắc nhiều đến chuyện xưa và kỷ niệm để thương nhớ bằng quơ rồi ném trả tất cả sau lưng để nhìn thẳng và đi tới”[13].

Ý kiến của Kiên Giang, một nhà thơ, một người Nam Bộ chính hiệu vốn mang chất Nam Bộ trong huyết quản, đó là sự thẳng thắn và lòng trung thực khi cảm nhận về Nguyễn Bính lại càng cho thấy nhân cách nghệ sĩ cao đẹp của Nguyễn Bính. Đó là một con người không bao giờ chịu khuất phục trước cường quyền và bạo lực, dù bạo lực ấy có được ngụy trang bằng lớp vỏ

danh từ “cách mạng”. Đời và thơ Nguyễn Bính trong di sản văn học miền Nam trước 1975 là một hệ giá trị cao đẹp được tạo nên bằng tài năng và nhân cách văn hóa của một thi sĩ thiên tài. Đây là nền tảng làm nên phẩm tính của đời thơ Nguyễn Bính trong nền thơ ca dân tộc. Và mặc dù ông cũng đã vứt bỏ tất cả để “nhìn thẳng và đi tới” nhưng rồi, có lẽ, do chính thái độ “nhìn thẳng và đi tới” này mà cuộc đời Nguyễn Bính không thoát khỏi những hệ lụy từ những định chế xã hội ấu trĩ một thời, để rồi ông phải lặng lẽ ra đi trong cô độc ở một ngày cuối năm hiu quạnh nơi căn nhà của một người bạn yêu thơ ông, kết thúc một đời người, đời thơ đầy bi tráng.

2. Một hồn thơ mang nặng tình tự văn hóa dân tộc

Trong chiếc chiếu khá hẹp ở *Thi nhân Việt Nam*, bên cạnh những tên tuổi lẫy lừng mà thơ ca của họ lấp lánh sắc màu tư tưởng và thi pháp phương Tây, Hoài Thanh lại dành cho Nguyễn Bính, một thi sĩ mà theo ông: “Vẫn còn giữ được bản chất nhà quê nhiều lắm” vị trí vô cùng trang trọng với tám bài thơ được chọn tuyển. Bởi, theo Hoài Thanh: “Thơ Nguyễn Bính đã đánh thức người nhà quê vẫn ẩn náu trong lòng ta”[14]. Có phải, vì thế chăng mà trong xã hội đầy biến động của miền Nam với rất nhiều trào lưu tư tưởng Âu Mỹ ngập tràn, thơ Nguyễn Bính vẫn được tiếp nhận, lưu truyền trong công chúng. Đây cũng là cái nhìn của Tạ Tỵ khi nói đến tình tự văn hóa dân tộc trong thơ Nguyễn Bính: “Cá tính trong thơ Bính rất tự nhiên, mộc mạc không gò bó, kiêu cách như các thi nhân cùng thời. Thơ Bính đi gần với ca dao, rất gần với đại đa số quần chúng”[15]. Phải chăng, không phải lúc nào cứ hiện đại, cách tân mới làm nên giá trị của thơ ca!?

Sáng tạo thơ ca bao giờ cũng là một hành trình cô đơn từ sự nghiệm sinh và thấu thị của người nghệ sĩ. Vì vậy, khi cảm nhận về hành trình sáng tạo và khuynh hướng sáng tác thi ca của Nguyễn Bính, Thế Phong đã nhận ra sự độc đáo trong chất thơ mang đậm tình tự văn hóa dân tộc của Nguyễn Bính khi cho rằng: “Thơ Nguyễn Bính có một bản sắc độc đáo, một địa vị không nhà thơ nào có được. Với lối diễn đạt bình cũ rượu mới, một thể thơ rất phổ biến của ta, thơ lục bát rất Việt Nam”[16]. Và đây cũng là cảm nhận của Sông Thai khi nói về tình tự văn hóa dân tộc trong thơ Nguyễn Bính: “Nói đến Nguyễn Bính là nói đến những bài thơ hiền lành dễ thương mang cái hình thức lục bát nhuần nhuyễn đậm đà màu sắc dân tộc. Dòng thơ của Nguyễn Bính chảy xiết một đường êm ái, duyên dáng. Lời thơ của Nguyễn Bính mộc mạc, hồn nhiên. Điều thơ của Nguyễn Bính hài hòa, bình dị”[17].

Phạm Quỳnh khi đánh giá về thiên tài sử dụng ngôn ngữ của Nguyễn Du trong Truyện Kiều đã xác quyết: “*Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn*”. Như vậy, ngôn ngữ là một phần không thể thiếu để khẳng định sự tồn sinh của một dân tộc. Thế nên, tình tự văn hóa dân tộc trong thơ Nguyễn Bính, còn được các nhà nghiên cứu lý giải từ việc sử dụng ngôn ngữ thi ca mà theo cảm nhận của Phạm Văn Song: “Thơ Nguyễn Bính không những bắt nguồn từ ca dao mà còn chịu ảnh hưởng của ca dao trong cách diễn tả nữa”[18]. Còn Vũ Bằng thì xác quyết: “Có thể nói rằng hầu hết các nhà văn nhà thơ, dù chê Nguyễn Bính, dù không ưa Nguyễn Bính cũng đều nhớ đại khái những câu thơ sau này của Bính nó làm người ta không muốn nhớ mà phải nhớ cũng như tục ngữ ca dao vậy”.[19] Còn khi luận giải vấn đề này từ một góc nhìn khác, Song Thai cho rằng: “Sở dĩ thơ Nguyễn Bính gần gũi với nhân dân ta như thế là vì ông đã từng lăn lộn, hòa đồng với nhịp sống của đông bào, chủ yếu là đông bào dân quê, do đó ông đã vận dụng thành công ngôn ngữ của họ. Cách sử dụng ngôn ngữ bình dân của Nguyễn Bính lại hết sức nhuần nhuyễn tới mức tạo cho thơ ông một sắc thái riêng biệt: duyên dáng mà không kênh kiệu, thiết tha mà không vụng về, thành thực mà không sỗ sàng, lộ liễu. Đó cũng chính là giá trị của toàn bộ thơ ca Nguyễn Bính”[20].

Nhưng có thể nói, kết tinh những cảm nhận về tinh tự văn hóa dân tộc trong thơ Nguyễn Bính ở di sản văn học miền Nam trước 1975 chính là cảm nhận mang tính nhân bản về những giá trị văn hóa Việt trong thơ Nguyễn Bính mà Nguyên Sa đã chia sẻ trong một bài viết khá sâu sắc, đầy tính triết mỹ khi ông cho rằng: “Nguyễn Bính với tôi bây giờ là tiếng hát. Tiếng hát văng đưa. Tiếng hát lũy tre, tiếng hát buổi chiều mùa thu còn chút nắng không đủ ấm tiếng hát trẻ nhỏ khóc, tiếng hát thiếu nữ ngồi hong tóc, tiếng hát của mẹ của Hà Nội xa tắp của Vân Đình lo sợ, của những ngôi làng ven đường số năm cuối cùng trong ảo vọng”[21].

Còn khi nhận định về thơ lục bát, một phẩm tính của tinh tự văn hóa dân tộc trong thơ Nguyễn Bính, Nguyên Sa viết: “Tôi chẳng thể bỏ được cái ý tưởng, không dựa trên phân tách nào hết, không xây trên biện chứng nào cả, ôi phân tách và tổng hợp, nhận thức trực tiếp và nhận thức biện chứng, sự phân biệt, phân tích và phân chia, tổng hợp và hỗn hợp (...), vâng cái ý tưởng vu vơ là một trong những tinh túy của giòng lục bát của dân tộc là đó không phải là sợi chỉ có một khúc đầu và một khúc cuối không phải là giòng sông khởi đầu bằng suối và tận cùng nơi cửa biển dù nó, thơ ấy, vẫn có một khởi đầu và một tận cùng. Nó thơ ấy, là sự mịt mù của biển ...”[22]. Chính vì những phẩm tính dân tộc thể hiện trong thơ Nguyễn Bính nên trong *Quốc văn diễn giảng lớp 12 ban ABCD*, các nhà nghiên cứu đã xếp “Nguyễn Bính, Anh Thơ, Bằng Bá Lân vào dòng thơ mang tinh tự dân tộc”[23].

Trong di sản văn học miền Nam trước 1975, khi nhìn nhận về bình diện tinh tự văn hóa dân tộc trong hồn thơ Nguyễn Bính, ta thấy hầu hết các bài viết đều có chung một sự đồng cảm sâu sắc. Đây là điều hiếm thấy trong đời sống văn học khi đánh giá về một hiện tượng văn học mà ít có những ý kiến trái chiều.

3. Một hồn thơ với những ám ảnh tương tư mang tâm thức hiện sinh

Thơ tình Việt Nam, trong đó có thơ tình Nguyễn Bính là một phần không thể thiếu trong di sản văn học ở miền Nam trước 1975. Nó được xem như một hệ giá trị trong sự tiếp nhận của công chúng văn học. Điều này hoàn toàn khác với đời sống văn học miền Bắc cùng thời kỳ, khi việc đăng tải và tiếp nhận thơ tình được xem như một điều cấm kỵ. Thơ Nguyễn Bính thời tiền chiến phần lớn là thơ tình với nhiều cung bậc tình cảm mang tâm thức hiện sinh, với nỗi buồn, niềm cô đơn của thân phận lưu đày. Vì vậy, nó phù hợp với tâm thức văn hóa của các tầng lớp nhân dân miền Nam lúc bấy giờ nên được phổ biến rộng rãi, được các nhà phê bình quan tâm nghiên cứu. Nói như Vũ Bằng: Nguyễn Bính là *một thi sĩ suốt đời mắc bệnh tương tư*. Đây là một trong những phẩm tính, là tiếng gọi thao thiết vang lên trong thơ Nguyễn Bính, là yếu tố thần diệu để người đọc đến với thơ Nguyễn Bính. Điều hấp dẫn lạ lùng này theo Vũ Bằng đó là: “1/ Nguyễn Bính đã nói tiếng nói chân thật của lòng với lời lẽ bình thường của dân gian, không cầu kỳ, không kênh kiệu. 2/ Nguyễn Bính đã nhắm đúng vào một cái bệnh chung của đời người là cái bệnh tương tư: (...) Có thể nói tất cả văn thơ tiền chiến của Bính đều nhắm vào bệnh đó và anh nổi bật cũng vì bệnh đó”[24].

Phải chăng, chính căn bệnh “tương tư mẩn tính” mang tâm thức hiện sinh này là một yếu tính trong thơ Nguyễn Bính, chi phối toàn bộ thi pháp thơ ông cho nên theo Vũ Bằng: “Có phải vì thế, muốn làm thơ kháng chiến đến chừng nào, Nguyễn Bính vẫn không thể bắt lên mà cho đến bây giờ, người ta còn thương Nguyễn Bính, yêu thơ Nguyễn Bính chỉ là vì những câu thơ chứa chất một tấm lòng tương tư nào nùng, lê thê có từ ngày xưa và sẽ

còn tồn tại mãi đến ngàn sau”[25]. Vì vậy, trong cái nhìn của Vũ Bằng, trước sau Nguyễn Bính cũng chỉ là một nhà thơ tiền chiến đúng nghĩa, mặc dù ông đã có những năm tháng lận lộn gian khổ với kháng chiến trong cuộc “tìm đường” của những văn thi sĩ tiền chiến ở một thời không xa như Vũ Bằng chia sẻ: “Lang thang tìm một hướng đi, Nguyễn Bính thất vọng lại trở về thất vọng: rút lại đến những ngày cuối cùng anh lại trở lại làm người thi sĩ của thời tiền kháng chiến và lại tương tư rồi cứ tương tư cho đến chết”[26].

Nguyễn Bính đã tự nhận: “*Gió mưa là bệnh của trời/ Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng*”, vì vậy, khi nói đến căn bệnh tương tư trong thơ Nguyễn Bính không thể không nói đến “khí hậu” tình yêu trong thơ ông, cái đã làm nên “mưa gió, giông bão” trong cuộc đời của ông như một định mệnh. Đây cũng là một giá trị của thơ Nguyễn Bính mà không một người đọc nào đến với thơ Nguyễn Bính lại không bị mê hoặc. Tình yêu vốn là chủ đề không mới trong thơ nhưng ở Nguyễn Bính tình yêu vẫn mang một nét đẹp riêng, sắc thái riêng, một sự quyến rũ riêng: *giản dị, chân mộc mà không tầm thường đơn điệu*. Nó như cây cỏ, hương hoa, như dòng suối thanh sạch làm tươi mát tâm hồn. Nó hiện hữu như một tất yếu của một tâm thức hiện sinh nhân bản. Thơ tình Nguyễn Bính, vì thế là thứ thơ vô trùng, không bị nhiễm khuẩn của những thứ tình yêu nhục cảm tầm thường đang “bày bán” đầy dẫy trong các “chợ” thơ của cái thời được mệnh danh là “hiện đại”, là “@”. Đây cũng là cái nhìn của Sông Thai khi cảm nhận về tình yêu trong thơ Nguyễn Bính: “Thơ tình yêu của Nguyễn Bính không có những đam mê da diết, không có nhục dục thô bỉ, không có những sôi nổi ồn ào, điên loạn cuồng trí hoặc băng khuâng ray rứt.... Thơ tình của Nguyễn Bính trong sạch, kín đáo và cao thượng. Và dấu vết nổi bật nhất trong thơ ông là tấm lòng chung tình, chung thủy”[27].

Thơ tình của Nguyễn Bính là sự kết tinh của những đau khổ thật, mộng mị thật, đắm đuối thật, nồng nàn thật chứ không phải là thứ “tình một đêm” của những “con mưa bóng mây”. Vì vậy, nhận định về tình yêu trong thơ Nguyễn Bính, Tạ Tỵ viết: “Bính đi vào tình yêu với một mộng ước đắm đuối vô vàn để được trả bằng thất vọng”[28], và “Cái vòng tình ái lần quần mở rồi đóng, đóng rồi mở làm cho Bính bàng hoàng như tỉnh như mơ. Vốn là nỗi tình nên thi nhân đắm mê vào hệ lụy như con thêu thân lao mình vào ánh đèn tìm cái chết trong lửa đỏ”. [29] Bởi vậy, “Nguyễn Bính sáng tác rất nhiều, mỗi bài thơ như một khúc bi ca, như nỗi đau đứt ruột vì khung trời tình ái mà thượng đế dành riêng cho Nguyễn Bính luôn luôn bị che phủ mây mù”[30]. Và thật sự Nguyễn Bính đã chết trong tình yêu. Nhưng từ cái chết trong tình yêu thơ Nguyễn Bính đã phục sinh và chính sự phục sinh này đã tạo nên sự bất tử của thơ Nguyễn Bính không chỉ trên diễn đàn Thơ mới mà còn cả trên thi đàn dân tộc, nói như Tạ Tỵ: “Bài Lỡ bước sang ngang vào đời đã đưa Bính lên cao giữa vòm trời thi ca đầy tinh tú sáng chói với Xuân Diệu, Huy Cận, Vũ Hoàng Chương, Trần Huyền Trân, Thâm Tâm, Hoàng Cầm, Tế Hanh, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, v.v...”[31]. Đây cũng là cái nhìn của Nguyễn Tấn Long về tình yêu trong thơ Nguyễn Bính từ sự đối sánh với các nhà thơ của phong trào Thơ mới: “Ái tình của Nguyễn Bính, khác hẳn cái nóng nảy như Hồ Dzếnh; lãng mạn, say đắm như Xuân Diệu; chứa chan và dễ dãi như Huy Cận hay trầm buồn như một Vũ Hoàng Chương. Ngược lại tình yêu trong thơ Nguyễn Bính là một thứ tình yêu nhẹ nhàng, cảm lạnh, những mối tình mộng đẹp; nó là thứ tình yêu của một Đỗ Tôn trong *Hoa vông vang*. Yêu thì tha thiết chân thành nhưng tâm ý lại rụt rè, nhút nhát”[32]. Phải chăng, Nguyễn Tấn Long đã bắt đúng mạch cảm xúc tình yêu trong thơ Nguyễn Bính và cũng là cái tính cách của chính ông trong trường tình chẳng!? Bởi, nói như Sông Thai: “Đọc thơ Nguyễn Bính, ta thường thấy toát ra cái không khí tội nghiệp, bé bỏng và rất dễ bị động lòng trắc ẩn trước những mẫu tình duyên ướm đắm nước mắt của tác giả. Ngay cái tên gọi “Lỡ bước sang ngang”, tên một bài thơ dài và cũng là tên gọi

của tập thơ đầu mùa của ông cũng đã gợi lên một cái gì là dang dở, lơ lửng, một cái gì như đã trót, đã đành, đã lỡ nhịp, đã không ăn khớp”[33]. Cuộc đời và tình yêu của Nguyễn Bính là bài thơ mãi mãi dở dang, là con tàu không bao giờ có bến đỗ như thi sĩ đã xa xót tự nhận: “*Mãi mãi hôm nay mới nhớ ra/ Đời mình chẳng khác chuyến tàu qua/ Nhưng từ ga lớn qua ga nhỏ/ Đời chẳng cho ta lấy một ga*” (Chuyến tàu đêm). Sự chơi vơi này là căn nguyên làm nên cảm thức tương tư mang tâm thức hiện sinh trong thơ ông. Nguyễn Bính là người không bao giờ tìm thấy sự viên mãn và hạnh phúc trong tình yêu. Hình như khi yêu thi sĩ luôn có cảm giác bất an. Có thể nói, Nguyễn Bính tương tư khi chưa được yêu và cả khi đã được yêu, khi đang yêu và khi đã đánh mất tình yêu. Thơ tình của Nguyễn Bính vì thế là thơ tình của những ám ảnh tương tư như một thứ tâm bệnh. Và nói như Bích Tường: “Nguyễn Bính đã đi vào đời bằng những tiếng lòng thổn thức của yêu đương với những lời thơ chân thành bắt nguồn từ cuộc sống dang dở của những bàng hoàng, của những thất bại chua xót đắng cay trong khi cảm nhận chữ tình”[34].

Với Nguyễn Bính tình yêu và những ám ảnh tương tư là một phần tất yếu của cuộc sống thi sĩ, là lẽ sống cao nhất của đời ông, không có cái gì trên cõi nhân gian này có thể thay thế được. Vì vậy, dù khi đã đi kháng chiến, Nguyễn Bính vẫn sống với những nỗi nhớ thương của riêng mình khi xác quyết: “Thi sĩ có trái tim, có quyền yêu và nhớ nhớ”[35]. Điều này đã cho thấy nhân tính và phẩm tính thi sĩ trong Nguyễn Bính là một hằng số văn hóa, không có gì ngăn cản được tiếng gọi của trái tim ông, một thi sĩ đa tài và đa tình. Thế mới biết, trái tim của thi sĩ là vương quốc của tự do và cũng chỉ ở vương quốc tự do ấy, thi nhân mới sáng tạo những câu thơ thành thực, một phẩm chất không thể thiếu ở những nghệ sĩ đích thực mà khi viết về những nhà Thơ mới, Hoài Thanh đã gọi đó là “Cái khát vọng được thành thực. Một nỗi khát vọng khẩn thiết đến đau đớn”[36]. Bởi lẽ, khi con người không dám yêu một cách thành thực, không dám nói lên tiếng nói tình yêu của mình thì sẽ không thể sống tử tế được.

4. Một hồn thơ chất chứa nỗi buồn, niềm cô đơn của thân phận lưu đày

Có thể nói, đời Nguyễn Bính luôn trôi trong những sự ám ảnh của dở dang và bi trạng. Vì vậy, thơ ông luôn chất chứa nỗi buồn, niềm cô đơn của thân phận lưu đày như chính ông đã dự cảm: “*Mai ngày tôi bỏ quê tôi/ Bỏ trắng, bỏ gió, chao ôi! Bỏ chùa/ Đem thân đi với giang hồ/ Sân ga phẳng lặng, bến đò lênh đênh*” (Quê tôi). Trong nhãn quan của chủ nghĩa hiện sinh, sự hiện hữu của con người giữa cõi đời chính là cuộc lưu đày và cuộc lưu đày của thi sĩ là một cuộc đọa đày bất tận. Thế nên, Đinh Hùng trong *Văn* số 58/1966 đã có bài viết: “Nguyễn Bính kẻ lưu đày”, còn Bích Tường thì cho rằng: “Thơ Bính luôn mang cái hình ảnh độc nhất của cô đơn. Vì thế mà hạng từ *một* đã được động cấp đến rất nhiều lần” và “Tâm hồn của Bính là cả một sự trống rỗng vô biên”[37]. Còn Tạ Tỵ, khi nghĩ về hành trình sống và sáng tạo thơ của Nguyễn Bính thì cho rằng: “Bính làm thơ vì vận mệnh phán quyết. Thơ Bính đẹp như dòng suối và bi thương như bệnh hoạn”[38]. Tạ Tỵ cũng rất tinh tế khi cho rằng cái âm hưởng chủ đạo trong thơ Nguyễn Bính là nỗi buồn: “Thơ Bính buồn, thật buồn. Mỗi lời như một dòng lệ, ngay cả khi Bính không nói về mình”[39]. Nỗi buồn trong thơ Nguyễn Bính cũng được Nguyễn Tấn Long cảm nhận khá tinh tế: “Thơ Nguyễn Bính cho ta thấy sắc thái mang nặng một nỗi buồn gần như bất tận. Hầu hết thi phẩm của Nguyễn Bính đều có âm điệu trầm buồn, nhẹ nhàng, man mác, như thương tiếc xa xôi; những hình ảnh đau thương hối tiếc, phân ly ... Tất cả tâm trạng của con người và mọi khía cạnh của cuộc đời đều được Nguyễn Bính đề cập và thi vị hóa một cách tài tình”[40].

Phải chăng, những bài thơ thấm đẫm nỗi buồn nhân thế này là một giá trị trong thơ Nguyễn Bính. Nỗi buồn ấy chính là kết tinh từ thân phận lưu đầy của thi nhân trong những mùa xuân tha hương, trong những ngày tháng giang hồ trên khắp mọi miền đất nước, mà có những lúc ông phải sống như kẻ không nhà, sống trong đói cơm, thiếu áo, chỉ có thơ để ông “vịn” (từ của Phùng Quán) vào mà tồn tại, mà hiện hữu ... Đào Trường Phúc trong bài viết: “Nguyễn Bính những mùa xuân tha hương”, nhận định về tính chất tha hương của Nguyễn Bính, rất có lý khi cho rằng: “Có hay chăng một thứ định mệnh ràng buộc Nguyễn Bính với những chuyến đi? Đó là những chuyến đi vừa thơ mộng vừa cay đắng, những chuyến đi thất bại. Đó là những chuyến đi cô quạnh, nếu có một kẻ đồng hành nào thì cũng chỉ là kẻ đồng hành tình cờ, gặp nhau trong nỗi cô đơn của mỗi người để chia sẻ một chút gió bụi buồn của giang hồ, rồi lại chia lìa nhau suốt đời. Đó là những chuyến đi chất chứa đầy nhớ thương, đầy chua chát, đầy tan nát. Đó là những chuyến đi tượng trưng đầy đủ nhất cho định mệnh của một thi sĩ giang hồ, của thi sĩ và giang hồ”[41]. Và cũng theo Đào Trường Phúc chính nỗi buồn, niềm cô đơn của những ngày tháng lưu đầy trong kiếp giang hồ đã đốt cháy trong tâm thức Nguyễn Bính một cuộc trở về, một khát vọng hoài hương, một cái “ngoảnh lại” trong cuộc phiêu lưu của việc chạy đua với định mệnh. Chính “Nỗi cô đơn, tình hoài hương, tâm trạng lưu đầy cùng một lúc phả vào thơ Nguyễn Bính trong giai đoạn sau này của đời ông, một hơi thở chua chát thê lương và đốt nóng lên trong dòng thơ ấy ngọn lửa khao khát của một ngày về”[42]. Và “Trong nỗi cô quạnh ấy, ngọn lửa khát vọng của ngày về quê hương vẫn không tắt trong lòng Nguyễn Bính, ngọn lửa thấp sáng giữa cõi phi - ý - thức đó đôi lúc đã khiến cho chính ông có những ảo giác về một ngày về. Lời ước hẹn và giấc mơ của những bài thơ chất chứa lòng sầu xa xứ”[43]. Nhưng dù có khao khát đến tận cùng nỗi khao khát “quy cố hương” thì Nguyễn Bính cũng không thể nào vượt qua sự đặt đề của số phận trong kiếp lưu đầy của một thi sĩ giang hồ. Vì theo Đào Trường Phúc thì “tình hoài hương của Nguyễn Bính, như thế, vẫn không biến đổi gì từ cái bản chất đặc biệt phảng phất trong mỗi câu thơ, từ *Lỡ bước sang ngang* đến những bài thơ cuối cuộc đời ông. Nguyễn Bính trước sau vẫn chỉ là một thi sĩ giang hồ, một thi sĩ tha hương”[44]. Và lý giải điều này từ góc nhìn của chủ nghĩa hiện sinh, Đào Trường Phúc đã rất có lý khi cho rằng: “Nỗi cô đơn của Nguyễn Bính, của một kẻ tự lưu đầy trong những chuyến lang thang tìm kiếm quê hương bằng những bước rời xa quê hương, như thế, trở thành gần như một nỗi cô đơn thu kín và tuyệt vọng”[45]. Song, phải chăng, chính nỗi buồn, niềm cô đơn của thân phận lưu đầy này đã kết tinh thành những dự phóng, những cảm hứng sáng tạo trong thơ Nguyễn Bính mà nếu không có nó, liệu có thể có một đời thơ Nguyễn Bính như hôm nay trong văn học dân tộc!?

Kết

Trong *Văn học số 100* ngày 1/1/1970, Kiên Giang với bài viết “chiếc cầu cây giữa rừng tràm và biển cỏ của chiến khu đã gãy rồi!” đã thành thực chia sẻ: “Viết về Nguyễn Bính tuy dễ mà khó. Khó vì không thể phóng đại, thêu dệt và viết sai về một người đã chết”[46]. Và ông lại trả lời: “Viết cho người chết hay viết cho người sống?” Rồi chính Kiên Giang tự trả lời: “Viết cho cả hai”[47].

Thật vậy, viết về nhà thơ mà cuộc đời có quá nhiều bi trạng và cô đơn như Nguyễn Bính là một điều không đơn giản! Nguyễn Bính không chỉ cô đơn trong suốt hành trình sống của mình mà ông còn cô đơn ngay cả trong cái chết, trong khi chết. Tâm sự của Kiên Giang, phải chăng cũng là niềm ưu lo của những người cầm bút khi viết về Nguyễn Bính. Trong di sản văn học miền Nam trước 1975, khi đánh giá các bình diện cơ bản trong đời và thơ Nguyễn Bính như: *Tài năng thi ca; tình tự văn hóa dân tộc; sự ám ảnh tương tư, niềm cô đơn, thân phận lưu đầy ...* các ý kiến đều có sự đồng cảm cao, ít có những ý kiến trái chiều.

Kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Nguyễn Bính, đọc lại những bài viết về Nguyễn Bính trong di sản văn học ở miền Nam trước 1975 là một điều không chỉ có ý nghĩa khoa học mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong việc khẳng định sự vĩnh hằng của một hệ giá trị trong nền thơ ca hiện đại của dân tộc: Giá trị thơ Nguyễn Bính. Bởi nói như Nguyên Sa: “Nguyễn Bính cũng là sự bắt đầu ở bất cứ đâu, tận cùng mà chẳng hết. Đọc bài thơ rồi lại đọc lại như chưa bao giờ hết”[48]. Phải chăng, thơ Nguyễn Bính là thơ có khả năng “chống lại định mệnh” (Andre Malraux) để mãi mãi hiển linh, để miên viễn tồn sinh trong văn học dân tộc và trong tâm thức người đọc dù phải trải qua những bi trạng, nổi chìm của cuộc nhân sinh ...

Xóm Đình An Nhơn – Gò Vấp, 21/3/2018

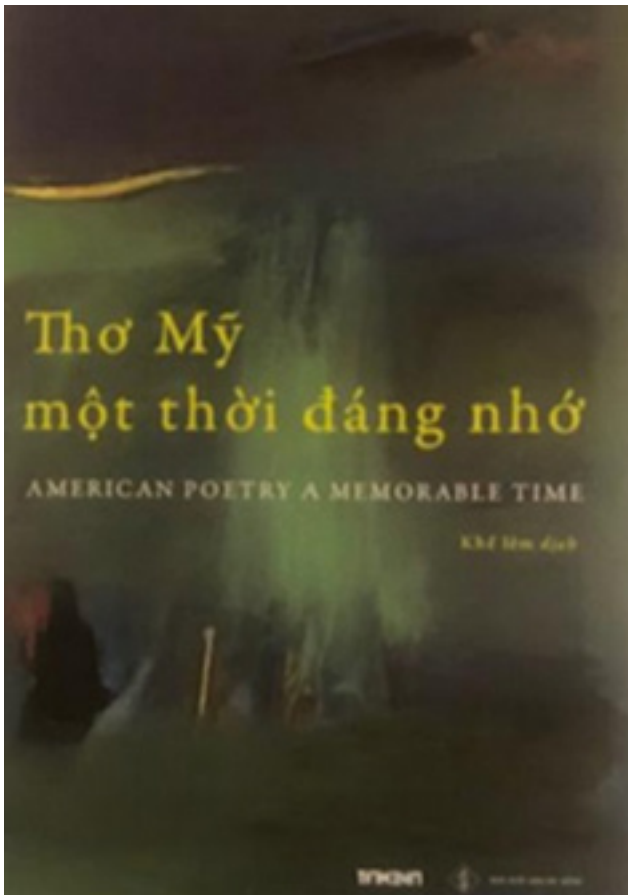
– Kỷ yếu Hội Thảo Khoa học Trăm năm Nguyễn Bính
– Truyền thống & Hiện đại do Viện Văn học &
Đại học Văn Lang đồng tổ chức tại
Tp. HCM (21/7/2018)

- [1] Thanh Tùng: Văn học từ điển. Khai trí xuất bản. SG., 1974, tr.171.
- [2] Tạ Ty: Mười khuôn mặt văn nghệ. Tác giả xuất bản. SG. 1970, tr.125.
- [3] Tạ Ty: Mười khuôn mặt văn nghệ. Tác giả xuất bản. SG. 1970, tr.127.
- [4] Tạ Ty: Mười khuôn mặt văn nghệ. Tác giả xuất bản. SG. 1970, tr.134.
- [5] Thế Phong: Lược sử văn nghệ Việt Nam nhà văn tiền chiến 1930 -1945. Nxb. Vàng Son. SG., 1974, tr.258.
- [6] Nguyễn Bính, Một thi sĩ suốt đời mắc bệnh tương tư”, Văn 189, 1/11/1971, tr.25.
- [7] Thế Phong: Lược sử văn nghệ Việt Nam nhà văn tiền chiến 1930 -1945, Nxb. Vàng Son, SG., 1974, tr. 259.
- [8] Nguyễn Tấn Long: Việt Nam thi nhân tiền chiến (Q. Thượng), Sống Mới xuất bản. SG., 1968, tr. 302.
- [9] Nguyễn Tấn Long: Việt Nam thi nhân tiền chiến (Q. Thượng), Sống Mới xuất bản. SG., 1968, tr. 304.
- [10] Nguyễn Tấn Long: Việt Nam thi nhân tiền chiến (Thượng), Sống Mới xuất bản. SG., 1968, tr. 302..
- [11] Kiên Giang: “Chiếc cầu cây giữa rừng tràm và biển cỏ của chiến khu đã gãy rồi!”. Văn học số 100, 1/1/1970, tr.83.
- [12] Kiên Giang: “Chiếc cầu cây giữa rừng tràm và biển cỏ của chiến khu đã gãy rồi!”. Văn học số 100, 1/1/1970, tr.81.
- [13] Kiên Giang: “Chiếc cầu cây giữa rừng tràm và biển cỏ của chiến khu đã gãy rồi!”. Văn học số 100, 1/1/1970, tr.83.
- [14] Hoài Thanh, Hoài Chân: Thi nhân Việt Nam. Nxb. Văn học. H., 2003, tr.337.
- [15] Tạ Ty: Mười khuôn mặt văn nghệ. Tác giả xuất bản. SG. 1970, tr.126.
- [16] Thế Phong: : Lược sử văn nghệ Việt Nam nhà văn tiền chiến 1930 -1945. Nxb. Vàng Son. SG., 1974, tr.258.
- [17] Sông Thai: “Nguyễn Bính và những bước lữ làng gieo neo trong cuộc sống”. Văn học số 100 , 1/1/1970, tr.96.
- [18] Phạm Văn Song: “Đọc lại Đám cưới bướm”. Văn 189/1971, tr.56.

- [19] Vũ Bằng: Nguyễn Bính, Một thi sĩ suốt đời mắc bệnh tương tư”, Văn 189, tr.26.
- [20] Sông Thai: "Nguyễn Bính và những bước 174 làng gieo neo trong cuộc sống", Văn học số 100, ra ngày 1/1/1970, tr. 98.
- [21] Nguyên Sa: “Nguyễn Bính trong trí nhớ”. Văn học số 100, 1/1/1970, tr.89.
- [22] Nguyên Sa: “Nguyễn Bính trong trí nhớ”. Văn học số 100, 1/1/1970, tr.91.
- [23] Nhiều tác giả: Quốc văn diễn giảng 12 ban ABCD. Thiện Mỹ xuất bản. SG., 1974, tr.220.
- [24] Vũ Bằng: Nguyễn Bính, Một thi sĩ suốt đời mắc bệnh tương tư”, Văn 189, ra ngày 1/11/1971, tr.27.
- [25] Vũ Bằng: Nguyễn Bính, Một thi sĩ suốt đời mắc bệnh tương tư”, Văn 189, tr.35.
- [26] Vũ Bằng: Nguyễn Bính, Một thi sĩ suốt đời mắc bệnh tương tư”, Văn 189, tr.33.
- [27] Sông Thai: “Nguyễn Bính và những bước 174 làng gieo neo trong cuộc sống”. Văn học số 100, 1/1/1970, tr.99.
- [28] Tạ Ty: Mười khuôn mặt văn nghệ. Tác giả xuất bản. SG. 1970, tr.127.
- [29] Tạ Ty: Mười khuôn mặt văn nghệ. Tác giả xuất bản. SG. 1970, tr.128.
- [30] Tạ Ty: Mười khuôn mặt văn nghệ. Tác giả xuất bản. SG. 1970, tr.131.
- [31] Tạ Ty: Mười khuôn mặt văn nghệ. Tác giả xuất bản. SG. 1970, tr.126.
- [32] Nguyễn Tấn Long: Việt Nam thi nhân tiền chiến (Q. Thượng), Sống Mới xuất bản. SG., 1968, tr. 309.
- [33] Sông Thai: Nguyễn Bính và những bước 174 làng gieo neo trong cuộc sống", Văn học số 100, ra ngày 1/1/1970, tr.99.
- [34] Bích Tường: “Người con gái ở lầu hoa" hay Tâm - trạng - nguyên - hương - tình - yêu - Nguyễn - Bính”. Nghiên cứu văn học số 7/9/1971, tr.88.
- [35] Kiên Giang: “Chiếc cầu cây giữa rừng tràm và biển cỏ của chiến khu đã gãy rồi!”. Văn học số 100, tr.80.
- [36] Hoài Thanh, Hoài Chân: Thi nhân Việt Nam. Nxb. Văn học. Hà Nội., 2003, tr.18.
- [37] Bích Tường: “Người con gái ở lầu hoa...”. Bđđ., tr.101, 98.
- [38] Tạ Ty: Mười khuôn mặt văn nghệ. Tác giả xuất bản. SG. 1970, tr.126.
- [39] Tạ Ty: Mười khuôn mặt văn nghệ. Tác giả xuất bản. SG. 1970, tr.129.
- [40] Nguyễn Tấn Long: Việt Nam thi nhân tiền chiến (Q. Thượng), Sống Mới xuất bản. SG., 1968, tr. 302.
- [41] Đào Trường Phúc: “Nguyễn Bính những mùa xuân tha hương”. Văn 189/1971, tr.45.
- [42] Đào Trường Phúc: “Nguyễn Bính những mùa xuân tha hương”. Văn 189/1971, tr.50, 51.
- [43] Đào Trường Phúc: “Nguyễn Bính những mùa xuân tha hương”. Văn 189/1971, tr.52.
- [44] Đào Trường Phúc: “Nguyễn Bính những mùa xuân tha hương”. Văn 189/1971, tr.53.
- [45] Đào Trường Phúc: “Nguyễn Bính những mùa xuân tha hương”. Văn 189/1971, tr.51.
- [46] Kiên Giang: “Chiếc cầu cây giữa rừng tràm và biển cỏ của chiến khu đã gãy rồi!”. Văn học số 100, ra ngày 1/1/1970, tr.66.
- [47] Kiên Giang: “Chiếc cầu cây giữa rừng tràm và biển cỏ của chiến khu đã gãy rồi!”. Văn học số 100, ra ngày 1/1/1970, tr.67.
- [48] Nguyên Sa: “Nguyễn Bính trong trí nhớ”. Văn học số 100, ra ngày 1/1/1970, tr.92.

CUỘC ĐỜI LÀ NHỮNG GIẤC MƠ

MỘT THỜI TUỔI TRẺ



*Tranh bìa
Thơ Mỹ Một Thời Đáng Nhớ*



Tranh Brielle Do

Từ thuở tuổi tác như đồng nát
Sương khói xây thành trăng mộ bia
Ta uống say khướt nước quần bách
Theo gió ra ngoài biên giới kia